ÔN TẬP CỦNG CỐ KIẾN THỨC NGỮ VĂN 9

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngữ văn là một trong 3 môn học quyết định kết quả kì thi tuyển sinh vào THPT đối với các em học sinh tham dự kì thi này. Trong đó, phân môn Văn học đóng vai trò hết sức quan trọng. Bởi cấu trúc của đề thi môn Ngữ văn vào lớp 10 THPT hiện nay thường có ba phần:

Phần I. Tiếng Việt (2 điểm).

Phần II. Viết một bài văn thuyết minh ngắn hoặc một văn bản nghị luận xã hội khoảng 300 từ (3điểm).

Phần III. Tự luận Văn học (5 điểm).

Để hoàn thành bài thi, học sinh chủ yếu phải vận dụng kiến thức phân môn Văn học để làm. Ngay cả câu hỏi phần Tiếng Việt, phần lớn ngữ liệu đều được trích từ các văn bản đã được học trong chương trình, kiến thức về văn bản đó sẽ giúp các em làm tốt hơn những yêu cầu của bài tập.

Qua thực tế học sinh thực hành viết các bài văn nghị luận văn học, đặc biệt là qua các kì kiểm tra thi cử, các em thường bộc lộ một số hạn chế cả về kiến thức và kĩ năng làm bài. Ví dụ:

1. Về kiến thức:

- Không nhớ chính xác hoàn cảnh sáng tác, nội dung, giá trị của tác phẩm
- Lẫn kiến thức giữa các tác giả, đặc điểm các nhân vật …
- Không thuộc dẫn chứng
- Viết sai tên tác phẩm hay tên đoạn trích

Ví dụ câu hỏi:

Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Khổ thơ trên trích trong bài thơ nào? Của ai?

(Đề thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2007 - 2008)

Nhiều học sinh đã trả lời: Khổ thơ trích trong bài thơ "Tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

2. Về kĩ năng:

- Không đọc kĩ đề để xác định yêu cầu của đề bài trước khi làm dẫn đến bài viết lạc đề, xa đề, thiếu ý hoặc không đúng trọng tâm, thậm chí lạc thể loại …

VD: Đề thi vào lớp 10 THPT năm 2009- 2010 yêu cầu: *Viết một bài văn thuyết minh về Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.* Học sinh làm lạc sang phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của *Truyện Kiều*.

- Không biết xác định các luận điểm, luận cứ
- Chưa biết cách dựng đoạn.
- Diễn đạt lủng củng.
- Phân bố thời gian làm bài chưa hợp lí: Dành quá nhiều thời gian cho câu ít điểm, đến câu cuối (tự luận Văn học) còn quá ít thời gian.
- Lúng túng, mất nhiều thời gian cho việc viết mở bài…

Vậy, làm thế nào để giúp học sinh khắc phục được những hạn chế trên?

Xuất phát từ thực tế trên và kinh nghiệm nhiều năm dạy học, ôn luyện cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT, tôi xin trình bày một số kinh nghiệm của mình thông qua chuyên đề ***" Ôn tập, củng cố kiến thức phân môn Văn học lớp 9".***

Nội dung chuyên đề gồm hai phần:

Phần I: Thống kê các văn bản trong chương trình Ngữ văn 9

Phần II: Phương pháp ôn tập, củng cố kiến thức

- Bước 1: Ôn tập củng cố theo tác phẩm hoặc tác giả
- Bước 2: Hệ thống kiến thức từng phần, từng mảng, từng chủ đề …
- Bước 3: Mở rộng, khắc sâu kiến thức bằng các chuyên đề nhỏ.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

PHẦN I: THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN

I. VĂN HỌC VIỆT NAM:

1. Văn học trung đại *(Theo trình tự thời gian sáng tác)*

- Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ)
- Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh (Phạm Đình Hổ)
- Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)
- Truyện Kiều (Nguyễn Du)
- Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu)

2. Văn học hiện đại

***Văn bản nghệ thuật** *(Theo giai đoạn văn học)*

1.Từ 1945 đến 1954:

- Đồng chí (Chính Hữu)
- Làng (Kim Lân)

2.Từ 1955 đến 1975:

- Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)
- Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)
- Bếp lửa (Bằng Việt)
- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm)
- Nói với con (Y Phương)
- Sang thu (Hữu Thỉnh)
- Con cò (Chế Lan Viên)
- Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)
- Lặng lẽ Sapa (Nguyễn Thành Long)
- Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

3. Từ sau 1975:

- Viếng lăng Bác (Viễn Phương)
- Ánh trăng (Nguyễn Duy)
- Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)
- Bến quê (Nguyễn Minh Châu)

*** Văn bản nhật dụng & văn bản nghị luận:**

- Phong cách Hồ Chí Minh (Lê Anh Trà)
- Đấu tranh cho một thế giới hoà bình (Market)
- Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ của trẻ em.

- Tiếng nói của văn nghệ (Nguyễn Đình Thi)
- Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới (Vũ Khoan)

II. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI:

- Mây và sóng (Targo)
- Cố hương (Lỗ Tấn)
- Con chó bấc (trích *Tiếng gọi nơi hoang dã* - Jack London)
- Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang (Trích *Rô- bin- xơn Cru- xô* - Đe-ni-ơn Đi-phô)
- Những đứa trẻ (Trích *Thời thơ ấu*- Macxim Gorơki).
- Bố của Xi mông (Guyđơ Mô- pa- xăng).
- Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm)
- Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông - ten (Hi-pô-lit-Ten)

PHẦN II: PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP CỦNG CỐ KIẾN THỨC:

Qúa trình ôn tập, củng cố kiến thức văn học cần được tiến hành theo ba bước:

- Bước 1: Ôn tập củng cố theo tác phẩm hoặc tác giả
- Bước 2: Hệ thống kiến thức từng phần, từng mảng, từng chủ đề …
- Bước 3: Mở rộng, khắc sâu kiến thức bằng các chuyên đề nhỏ.

Trong đó, bước ôn tập kiến thức từng tác phẩm, tác giả là quan trọng nhất. Nếu ôn tập củng cố kiến thức từng tác phẩm tốt sẽ tạo nền móng vững chắc cho việc hệ thống kiến thức từng phần và ôn tập theo các chuyên đề.

BƯỚC I: ÔN TẬP, CỦNG CỐ KIẾN THỨC THEO TÁC PHẨM HOẶC TÁC GIẢ

Đây là bước ôn tập quan trọng. Như trên đã nói, nếu ôn tập, củng cố kiến thức từng tác phẩm tốt sẽ tạo nền móng vững chắc cho các bước ôn tập tiếp theo. Song, ôn tập như thế nào mới là điều quan trọng, bởi nếu không có phương pháp đúng ta sẽ dạy lại giáo án mà ta đã dạy trên lớp. Như thế, vừa không đúng quy định về dạy buổi hai lại vừa không hiệu quả.

Theo tôi, ta nên ôn tập, củng cố kiến thức mỗi tác phẩm hoặc tác giả bằng cách hướng dẫn học sinh làm các dạng bài tập cụ thể (dựa vào một số dạng bài tập của đề thi hàng năm). Như thế, vừa kiểm tra được kiến thức của các em sau khi đã được học trên lớp về tác phẩm, lại vừa rèn được kĩ năng làm các dạng bài tập lại vừa củng cố, khắc sâu kiến thức về tác phẩm đó cho các em. Một số dạng bài tập như:

- Thuyết minh về tác giả, tác phẩm
- Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm
- Tóm tắt nội dung tác phẩm (nếu là tác phẩm truyện)
- Chép thơ (cả bài hoặc từng phần)
- Nêu các tình huống truyện.
- Luyện một số đề nghị luận văn học

…

Ví dụ 1:

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

- Nguyễn Dữ -

Bài tập 1: Viết bài thuyết minh về tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ

Bài tập 2: Giải thích tên tác phẩm "*Truyền kì mạn lục"* của Nguyễn Dữ? "*Chuyện người con gái Nam Xương"* có những chi tiết nào mang tính "truyền kì"? Nêu ngắn gọn ý nghĩa của các chi tiết đó?

Bài tập 3: Tóm tắt "*Chuyện người con gái Nam Xương"* bằng một đoạn văn khoảng 10 câu.

Bài tập 4: Hãy kể lại ngắn gọn chi tiết kì ảo cuối cùng trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ bằng một đoạn văn từ 3 đến 5 câu. Nêu ý nghĩa của chi tiết kì ảo đó.

Bài tập 5: Phát biểu suy nghĩ của em nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

Bài tập 6: Thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa qua "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

Bài tập 7: Cái nhìn nhân đạo của nhà văn qua "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

Bài tập 8: Hiện thực xã hội phong kiến xưa qua "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

Ví dụ 2:

TRUYỆN KIỀU

- Nguyễn Du -

Bài tập 1: Viết bài thuyết minh về tác giả Nguyễn Du

Bài tập 2: Viết bài thuyết minh về tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du

Bài tập 3: Tóm tắt tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du bằng một văn bản ngắn khoảng 300 từ.

Bài tập 4: Truyện Kiều của Nguyễn Du còn có tên gọi khác là "Đoạn trường tân thanh", em hiểu ý nghĩa nhan đề đó như thế nào.

Bài tập 5: Truyện Kiều của Nguyễn Du gồm bao nhiêu câu thơ lục bát? Bố cục gồm mấy phần? Tên của mỗi phần là gì, phần nào có số lượng câu thơ lớn nhất?

Bài tập 6: Chép lại và diễn xuôi một số đoạn thơ. Ví dụ:

- Chép lại và diễn xuôi những câu thơ miêu tả chân dung Thúy Vân trong đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" (Ngữ văn 9 - Tập 1).
- Chép lại và diễn xuôi những câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều trong đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" (Ngữ văn 9 - Tập 1).
- Chép lại và diễn xuôi những câu thơ miêu tả nỗi nhớ cha mẹ của Thúy Kiều trong những ngày nàng sống ở lầu Ngưng Bích. Qua đó em có cảm nhận gì về vẻ đẹp tâm hồn nàng?

Bài tập 7:

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng!
Ngại ngùng dín gió e sương,
Ngừng hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,

Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

- Hãy giới thiệu ngắn gọn xuất xứ và nội dung đoạn thơ trên.
- Từ ***'hoa"*** được nhắc đến ba lần trong đoạn thơ với những ý nghĩa khác nhau như thế nào?
- Viết đoạn văn khoảng 10 câu trình bày những cảm xúc, suy nghĩ của em về hình ảnh Thúy Kiều trong đoạn thơ trên, trong đó có sử dụng có sử dụng câu hỏi tu từ.

Bài tập 8:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi,
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
(Trích "Truyện Kiều" - Nguyễn Du)

- Hình ảnh "con én đưa thoi" trong đoạn thơ có thể hiểu như thế nào?
- Viết một đoạn văn khoảng 10 câu, trong đó sử dụng lời dẫn trực tiếp có nội dung trình bày cảm nhận của em về cảnh mùa xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên.

Bài tập 9:

... Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc biển bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng,ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm ...
(Trích "Truyện Kiều" - Nguyễn Du)

- Phân tích đoạn thơ trên.
- Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về chữ hiếu của con cái đối với cha mẹ trong cuộc sống hiện nay.

Bài tập 10: Đây là một đoạn trích trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du mà một bạn học sinh đã chép:

"Buồn trông cửa bể triều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới xa,
Hoa trôi man mát biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh?
Buồn trông gió cuốn mặt dềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh gế ngồi."

- Bản chép thơ trên có mắc một số lỗi, em hãy chép lại đoạn thơ sau khi đã sửa các lỗi này. (Gạch chân dưới những lỗi đã được sửa)

- Khi tìm hiểu đoạn thơ trên, một bạn học sinh cho rằng nội dung chính của đoạn thơ là: Đoạn thơ miêu tả cảnh thiên nhiên. Theo em, bạn khái quát như thế đã đủ chưa? cần bổ sung điều gì?

Bài tập 11: Hướng dẫn học văn bản "Chị em Thúy Kiều" (Trích "Truyện Kiều" - Nguyễn Du), trong phần tiểu dẫn, sách Ngữ văn 9 (Tập một) viết:

"Với bút pháp tinh diệu, Nguyễn Du không những dựng lên được hai bức chân dung *"Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười"* mà dường như còn nói được cả tính cách, thân phận … toát ra từ diện mạo của mỗi vẻ đẹp riêng."

Bằng việc lựa chọn, phân tích một số dẫn chứng trong văn bản 'Chị em Thúy Kiều", em hãy làm sáng tỏ nội dung trên.

Bài tập 12: Phân tích diễn biến tâm trạng Thúy Kiều trong những ngày nàng sống ở lầu Ngưng Bích qua văn bản "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (Ngữ văn 9 - Tập một)

Bài tập 13: Xót thương số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Bằng những hiểu biết về Truyện Kiều của Nguyễn Du, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài tập 14:

Một trong những thành công về nghệ thuật trong sáng tác Truyện Kiều của Nguyễn Du là nghệ thuật khác hoạ chân dung nhân vật.

Dựa vào các trích đoạn Truyện Kiều đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn 9, em hãy làm sáng rõ nhận định trên.

Bài tập 15: Phát biểu suy nghĩ của em về hiện thực xã hội phong kiến xưa qua tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du

Ví dụ 3:

LẶNG LẼ SA PA

- Nguyễn Thành Long -

Bài tập 1: Viết bài thuyết minh về truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

Bài tập 2: Tóm tắt truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long bằng một đoạn văn khoảng 10 câu.

Bài tập 3:

Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con dèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm tực rỡ và làm cho cô gái thấy mình rực rỡ theo.

- Đoạn văn trên có trong tác phẩm nào, do ai sáng tác?

- Trong tác phẩm có những nhân vật phụ chỉ ghé qua nơi nhân vật chính sống. Họ là ai? Những nhân vật này giữ vai trò gì trong tác phẩm?

Bài tập 4: Tình huống cơ bản của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* là gì? Tác giả tạo ra tình huống truyện đó nhằm mục đích gì?

Bài tập 5: *"...Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này, cháu không nghĩ như vậy nữa. và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất..."*

(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long)

Phân tích đoạn trích trên để làm sáng tỏ phẩm chất tốt đẹp của những con người từng một thời lao động quên mình trên khắp mọi miền Tổ quốc.

Bài tập 6: Nói về truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long, PGS Nguyễn Văn Long viết:

'Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của những con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hy sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ."

Hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài tập 7: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

Bài tập 8: Hãy chứng tỏ rằng: Sự hội tụ trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là sự hội tụ của những con người có tâm hồn cao đẹp.

Bài tập 9: Hãy phát biểu suy nghĩ của em về vẻ đẹp tình người trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

Bài tập 10: Tên truyện là "*Lặng lẽ Sa Pa"* nhưng cuộc sống ở đây không hề lặng lẽ.

Em hãy phân tích truyện ngắn để làm rõ điều đó.

Bài tập 11: Hãy phân tích và phát biểu cảm nghĩ của em về những con người bình dị đang thầm lặng lao động để xây dựng và bảo vệ tổ quốc qua nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn ***Lặng lẽ Sa Pa*** của nhà văn Nguyễn Thành Long.

Ví dụ 4:

ĐỒNG CHÍ

- Chính Hữu -

Bài tập 1: Viết bài thuyết minh về tác giả Chính Hữu và bài thơ Đồng chí.

Bài tập 2: Để cảm nhận sâu sắc được bài thơ Đồng chí của Chính Hữu, theo em, ta cần lưu ý những điểm nào về tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

Bài tập 3:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi hai người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
Đồng chí!

("Đồng chí" - Chính Hữu)

- Trong đoạn thơ trên, có một từ bị chép sai. Đó là từ nào? Hãy chép lại chính xác câu thơ đó. Việc chép sai từ như vậy ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như thế nào?
- Câu cuối trong khổ thơ là một câu đặc biệt. Hãy viết đoạn văn khoảng 10 câu phân tích nét đặc sắc của câu thơ đó.

Bài tập 4: Cảm nhận của em sau khi đọc đoạn thơ:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính."

("Đồng chí" - Chính Hữu)

Bài tập 5: Phân tích bài thơ Đồng chí của Chính Hữu.

Bài tập 6: Cảm nhận của em về hình tượng người lính trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu.

Bài tập 7: Phân tích hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu.

BƯỚC 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC TỪNG PHẦN

Sau khi đã hướng dẫn học sinh ôn tập, củng cố kiến thức từng tác phẩm hoặc tác giả, ta hướng dẫn các em hệ thống lại những kiến thức cơ bản của các tác phẩm được sáng tác cùng giai đoạn, hoặc cùng đề tài hoặc cùng thể loại… Ví dụ:

- Hệ thống kiến thức cơ bản các tác phẩm thơ hiện đại.
- Hệ thống kiến thức cơ bản các tác phẩm truyện.
- Hệ thống kiến thức cơ bản các văn bản nhật dụng và nghị luận.
- Hệ thống kiến thức về các tác giả
- Hệ thống các luận điểm, luận cứ của các văn bản.
- Tình huống truyện của 5 truyện ngắn trong Ngữ văn 9
- Ý nghĩa nhan đề một số tác phẩm

…

**** Phương pháp thực hiện:***

- Giáo viên lập biểu mẫu hoặc ra bài tập, hướng dẫn học sinh phương pháp thực hiện và yêu cầu các em về nhà thực hiện.
- Giáo viên kiểm tra, nhận xét và chữa bài tập của học sinh

Ví dụ 1:

TÌNH HUỐNG TRUYỆN CỦA 5 TRUYỆN NGẮN TRONG NGỮ VĂN 9

Truyện ngắn 1: Làng (Kim Lân)

- Nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống rất gay gắt. Ông Hai vốn rất yêu làng, lúc nào cũng tự hào và khoe khoang về làng của mình với sự giàu có và tinh thần kháng chiến. Nhưng đột nhiên ông nhận được tin từ những người tản cư - làng ông làm việt gian theo Tây.

Tạo tình huống như vậy là cách để nhà văn Kim Lân khắc họa đậm nét lòng yêu làng gắn liền với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của nhân vật nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Truyện ngắn 2:Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)

- Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa có tình huống rất nhẹ nhàng, đơn giản. Câu chuyện chỉ xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ của nhân vật anh Thanh niên với ông hoạ sĩ già và cô kỹ sư trẻ diễn ra trong vòng ba mươi phút trên đỉnh núi Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, là nơi anh sống và làm việc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ nhưng đã để lại trong lòng mỗi nhân vật những ấn tượng sâu sắc về lí tưởng và mục đích sống.

Cách tạo tình huống như vậy nhà văn Nguyễn Thành Long muốn làm nổi bật hình ảnh nhân vật anh thanh niên nói riêng và những con người đang lao động âm thầm lặng lẽ, đầy trách nhiệm để cống hiến hết mình cho đất nước, cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc những năm 70 của thế kỷ XX nói chung.

Truyện ngắn* 3: *Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)

- Tình huống của truyện ngắn Chiếc lược ngà thật éo le. Anh Sáu sau tám năm xa nhà đi kháng chiến, chuyến nghỉ phép thăm quê trước khi chuyển đơn vị này với anh thật ý nghĩa bởi anh sẽ được gặp con - đứa con gái duy nhất anh chưa từng gặp mặt. Nhưng trong những ngày nghỉ phép, dù cố tình gần gũi, thân thiện và yêu thương con nhưng bé Thu lại cương quyết không nhận anh là cha. Đến tận khi anh chia tay gia đình để lên đường cũng là lúc bé Thu mới nhận anh là cha.
- Ở chiến khu lúc nào anh cũng nhớ về con, anh dồn hết tâm lực vào việc tạo ra cây lược ngà để tặng con. Nhưng anh chưa kịp trao chiếc lược cho con thì anh đã hy sinh.

Tạo tình huống như vậy, Nguyễn Quang Sáng muốn ca ngợi tình cảm cha con sâu nặng của anh Sáu và bé Thu trong hoàn cảnh éo le, vùa là lời lên án tố cáo tội ác của chiến tranh đã gây ra cho bao gia đình Việt Nam.

Truyện ngắn 4: Bến quê (Nguyễn Minh Châu)

- Tình huống của truyện ngắn đầy trớ trêu và nghịch lí: Công việc của Nhĩ đã tạo điều kiện cho anh đi khắp nơi trên trái đất. Nhưng về cuối đời, anh mắc phải một căn bệnh quái ác - liệt toàn thân. Bệnh tật đã hành hạ anh hàng năm trời, tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào vợ con và những đứa trẻ hàng xóm. Nằm trên giường bệnh, qua ô cửa sổ nhà mình, Nhĩ đã nhận ra được vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông quê anh, nhận ra được gia đình là chỗ dựa chính của cuộc đời mỗi con người. Anh nảy ra một khao khát được đặt chân sang bãi bồi bên kia sông, nhưng anh không thể thực hiện được. Anh đã nhờ Tuấn - con trai anh sang thực hiện thay mình. Nhưng đứa con không hiểu tâm nguyện của bố và đã để lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày.

Truyện ngắn 5: Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

- Ba nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Họ là những nữ thanh niên còn rất trẻ nhưng nhiệm vụ và công việc của họ lại vô cùng gian khổ và nguy hiểm. Đó là theo dõi máy bay địch ném bom, đo đếm khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, san lấp mặt đường và phá bom nổ chậm. Công việc của họ thật khó khăn gian khổ và luôn phải đối mặt với cái chết.

Việc tạo tình huống như trên nhà văn Lê Minh Khuê muốn ca ngợi tâm hồn hồn nhiên trong sáng đầy mơ mộng và lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết, tình đồng chí đồng đội của người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

<u>Ví dụ 2</u>: Ý NGHĨA NHAN ĐỀ CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN

Văn bản 1: Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)

Ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê.

Văn bản 2: Vũ trung tùy bút (Phạm Đình Hổ)

Ghi chép trong những ngày mưa.

Văn bản 3: Truyền kì mạn lục (Nguyễn Dữ)

Ghi chép tản mạn những chuyện li kì trong dân gian.

Văn bản 4: Đoạn trường tân thanh (Nguyễn Du)

Tiếng kêu mới đứt ruột

Văn bản 5: Đồng chí (Chính Hữu)

Đồng chí: Những người có cùng chí hướng, lí tưởng - đây được coi là tên gọi của một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến.

Tình đồng chí là cốt lõi, là bản chất sâu xa của sự gắn bó giữa những người lính cách mạng. Tình đồng chí đã giúp người lính vượt lên trên mọi hủy diệt của chiến tranh, bom đạn quân thù.

Văn bản 6: Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)

Nhan đề dài tưởng như có chỗ thừa, nhưng lại thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật một hình ảnh rất độc đáo của toàn bài và đó là hình ảnh hiếm gặp trong thơ - hình ảnh *những chiếc xe không kính*.

Vẻ khác lạ còn ở hai chữ *"Bài thơ"* như sự khẳng định chất thơ của hiện thực, của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, vượt lên nhiều thiếu thốn, hiểm nguy của chiến tranh. Hai chữ *"Bài thơ"* cho thấy rõ hơn cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả, không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính hay hiện thực khốc kiệt của chiến tranh mà ông còn muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang dũng cảm, trẻ trung, vượt lên trên thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh.

Văn bản 7: Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)

Tên bài thơ là một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ *(nhà thơ đã biến cái vô hình thành cái hữu hình, thành một hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng)*. Nó thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cái cá nhân và cái cộng đồng. *Mùa xuân nho nhỏ* còn thể hiện nguyện ước chân thành của Thanh Hải, ông muốn sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình, muốn được cống hiến những gì tinh túy nhất, tốt đẹp nhất của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.

Văn bản 8: Làng (Kim Lân)

(Tại sao Kim Lân lại đặt tên cho văn bản của mình là "Làng" chứ không phải là Làng chợ Dầu hoặc "Làng tôi"?)

Kim Lân đặt tên "Làng" mà không phải là "Làng chợ Dầu" vì "làng chợ Dầu" chỉ là tên gọi riêng của một làng còn 'Làng" là danh từ chung chỉ mọi làng quê Việt Nam. Bởi vậy, nếu nhan đề là "Làng chợ Dầu" thì vấn đề tác giả đề cập tới chỉ nằm trong phạm vi nhỏ hẹp của một làng cụ thể. Đặt tên là "Làng" vì truyện đã khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân Việt Nam thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp: Tình yêu làng quê gắn liền với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến. Như thế, ý nghĩa của tác phẩm sẽ lớn hơn rất nhiều.

Văn bản 9: Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)

Lặng lẽ Sa Pa, đó chỉ là cái vẻ lặng lẽ bên ngoài của một nơi ít người đến, nhưng thực ra nó lại không lặng lẽ chút nào, bởi đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước, với mọi người mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao. Trong cái không khí lặng im của Sa Pa. Sa Pa mà nhắc tới người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài lặng lẽ, âm thầm, cống hiến cho đất nước.

Văn bản 10: Ánh Trăng (Nguyễn Duy)

Ánh trăng là tiếng lòng, là suy ngẫm riêng của nhà thơ và nó cũng là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh lương tâm mỗi người. Ánh trăng không chỉ là hình ảnh của đất trời, thiên nhiên mà còn là hình ảnh của quá khứ, nghĩa tình.

Nhan đề bài thơ gợi nên vấn đề của mọi người, mọi thời, đó là lời tự nhắc nhở, tự thẩm thía về thái độ, tình cảm đối với quá khứ gian lao, tình nghĩa, đối với thiên nhiên đất nước bình dị, đối với những người đã khuất và đối với chính mình, thức tỉnh những góc tối trong lương tâm mỗi người về nghĩa tình thuỷ chung với quá khứ, với những năm tháng gian lao nhưng rất hào hùng của cuộc đời người lính.

Văn bản 11: Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

Nhan đề Những ngôi sao xa xôi mang ý nghĩa ẩn dụ. Hình ảnh những ngôi sao gợi liên tưởng về những tâm hồn hồn nhiên đầy mơ mộng và lãng mạn của những nữ thanh niên xung phong trẻ tuổi chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Những nữ thanh niên xung phong như những ngôi sao xa xôi toả ánh sáng lấp lánh trên bầu trời. Phần cuối truyện ngắn, hình ảnh Những ngôi sao xuất hiện trong cảm xúc hồn nhiên mơ mộng của Phương Định - Ngôi sao trên bầu trời thành phố, ánh điện như những ngôi sao trong xứ sở thần tiên của những câu chuyện cổ tích.

Văn bản 12: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)

Chiếc lược ngà là kỷ vật của ông Sáu, người cha - người lính để lại cho con trước lúc hy sinh. Với ông Sáu, chiếc lược ngà như phần nào gỡ mối tâm trạng của ông trong những ngày ở chiến khu. Chiếc lược còn là nhân chứng về tội ác chiến tranh, về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt, để lại nhiều ám ảnh bi thương trong lòng người và gợi bao ý nghĩa về sự hy sinh của những thế hệ đi trước đã chiến đấu và hy sinh cho đất nước.

Văn bản 13: Sang thu (Hữu Thỉnh)

Nhan đề bài thơ thể hiện cách lựa chọn khoảnh khắc thời gian, bắc cầu giữa cái không và cái có. Chính cảm giác mơ hồ tinh tế, chuyên chở cho hồn thu theo cách của mùa thu. Nhạy cảm, nhẹ nhàng vừa lạ vừa quen, nó đánh thức nơi ta những gì da diết nhất. "Sang thu" còn là của đời người - Đời người sang thu (sang tuổi xế chiều) nhiều từng trải , vững vàng hơn trước những biến động của cuộc đời.

Văn bản 14: Bến quê (Hữu Thỉnh)

Bến quê: nhan đề đã thể hiện được sự hấp dẫn không chỉ ở cốt truyện với tình huống trớ trêu và nghịch lí mà tác giả còn xây dựng hệ thống yếu tố hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng nhằm diễn đạt những suy ngẫm, những giá trị đích thực. Bến quê là những gì gần gũi , thân thiết nhất, đẹp đẽ nhất, là nơi ta sinh ra, nơi ta lớn lên thành người và cũng là nơi ta nhắm mắt xuôi tay vậy mà nhiều khi ta vô tình lãng quên.

Văn bản 15: Nói với con (Y Phương)

Nói với con: Nhan đề bài thơ khái quát được ý nghĩa của toàn bài thơ, bài thơ đi từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thắm thiết.

Toàn bài thơ là những lời tâm sự, dặn dò, nhắn nhủ vừa nghiêm khắc vừa thấm đẫm tình yêu thương của cha dành cho con. Người cha nói nói với con về tuổi thơ về con người, về cội nguồn sinh thành nuôi dưỡng con. Từ đó nói với con về lẽ sống sao cho xứng đáng với tình yêu thương cuả mẹ cha với truyền thống của quê hương. Nhan đề cũng toát lên sắc thái bình dị gần gũi đời thường. Lời nói bao hàm nhiều chất giọng, nhiều cung bậc cảm xúc thể hiện tình cảm sâu nặng của người cha dành cho con

---

<u>Ví dụ 3</u>: HỆ THỐNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CÁC VĂN BẢN THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

T/P	Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Nội dung	Nghệ thuật
Đồng chí	Chính Hữu: Tên thật là Trần Đình Đắc (1926 - 2007), quê ở Hà Tĩnh. Ông vừa là nhà thơ, vừa là người lính trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp. Ông chủ yếu sáng tác về đề tài chiến tranh và người lính cách mạng bằng một giọng thơ giản dị, mộc mạc, giàu chất liệu thực của cuộc sống song cũng không kém phần lãng mạn bay bổng. Tác phẩm chính của ông là tập thơ"Đầu súng trăng treo"	Bài thơ được sáng tác năm 1948 - Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta với muôn vàn khó khăn gian khổ và sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (Thu đông năm 1947)	Bài thơ đã ca ngợi hình ảnh Anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp với tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn.	Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, giàu chất liệu thực. Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc. Giọng thơ tha thiết, chân thành.
Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật (1941 - 2007), Quê ở Phú Thọ. Ông vừa là nhà thơ vừa là người lính tham gia chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn những năm đánh Mĩ. Thơ ông chủ yếu sáng tác về đề tài chiến tranh và người lính, đặc biệt là những người lính lái xe và những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn	Bài thơ được sỏng tỏc năm 1969 khi cuộc khỏng chiến chống Mĩ đang trong gian đoạn vụ cựng ỏc liệt, đăng trong chựm thơ được tặng giải Nhất cuộc thi thơ Bỏo Văn nghệ (1969) và được in trong tập thơ	Bài thơ ca ngợi hỡnh ảnh những chiến sĩ lỏi xe trờn tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ cứu nước.	Giọng thơ trẻ trung, hồn nhiờn, sụi nổi. Hỡnh ảnh, ngụn ngữ thơ giản dị, mộc mạc.

	bằng một giọng thơ trẻ trung, sôi nổi giàu chất lính Tác phẩm : Thơ một chặng đường; ở hai đầu núi; Vầng trăng quầng lửa ...	"Vầng trăng quầng lửa"		
Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận, tên thật là Cù Huy Cận. Ông là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Ông tham gia cách mạng và sáng tác phục vụ cách mạng từ tr- ớc năm 1945. Thơ ông viết nhiều về hình ảnh con ng- ời giữa vũ trụ thiên nhiên rộng lớn với giọng thơ thanh thoát, bay bổng. Tác phẩm: Lửa thiêng; Hai bàn tay em; Trời mỗi ngày lại sáng ..	Bài thơ đ- ợc in trong tập "Trời mỗi ngày lại sáng", sáng tác năm 1958, sau khi Miền bắc đ- ợc hoàn toàn giải phóng, nhân dân Miền Bắc phấn khởi bức vào công cuộc lao động xây dựng CNXH va trong chuyến tác giả đi thực tế ở vùng biển Quảng Ninh.	Bài thơ ca ngợi cảnh thiên nhiên tráng lệ và không khí lao động khẩn tr- ơng sôi nổi của những ng- dân vùng biển trong những năm đầu Miến bắc mới đ- ợc giải phóng.	- Âm hưởng thơ khoẻ khoắn sôi nổi, phơi phơi bay bổng. - Cách gieo vần có nhiều biến hoá linh hoạt. - Hình ảnh thơ tráng lệ, trí tưởng tượng phong phú.
Bếp lửa	Bằng Việt, tên thật là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, ở Huế. Ông là nhà trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ ông nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu cảm xúc Tác phẩm: Hương cây bếp lửa; Những gương mặt, những khoảng trời; Khoảng cách giữa lời ...	Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang sống và học tập tại Liên Xô. Bài thơ được in trong tập "Hương câu - Bếp lửa" - Tập thơ đầu tay của bằng Việt và lưu Quang Vũ.	Bài thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	Giọng thơ thiết tha trìu mến, hình ảnh thơ vừa mang tính cụ thể, vừa có tính khái quát mang ý nghĩa biểu tượng
	Y Phương, tên khai sinh là Hứa văn Sước, sinh năm 1948, người dân tộc Tày,	Bài thơ được sáng tác vào những năm	Bài thơ là lời tâm tình của người cha với	Giọng thơ thiết tha, trìu mến,

Nói với con	quê ở Cao Bằng. Ông từng là người lính tham gia cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miến núi. Tỏc phẩm: "Người hoa nỳi"(kịch bản sõn khấu,1982), "Tiếng hỏt thỏng Giờng"(thơ, 1986), "Lửa hồng một gúc"(thơ, 1987),"Núi với con"...	tám mươi của thế kỉ hai mươi.	con về tình cảm gia đình, về truyền thống của quê hương và dân tộc, mong ước con xứng đáng với nhữngtruyền thống tốt đẹp đó. Bài thơ còn thể hiện tình yêu thương con tha thiết, chân thành.	hình ảnh thơ cụ thể nhưng mang tính khái quát, mộc mạc nhưng vẫn giàu chất thơ.
Con cò	Chế Lan Viên (1920 - 1989), quê ở Quảng Trị. Ông làm thơ từ khi còn rất trẻ, là một trong những nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới. Từ 1945, ông tham gia cách mạng và sáng tác phục vụ cách mạng. Thơ ông giàu chất suy tưởng, triết lí, mang vẻ đẹp trí tuệ, hình ảnh thơ được sáng tạo bởi ngòi bút thông minh, tài hoa. Tỏc phẩm: "Điờu tàn"; "Di cảo" "Hoa ngày thường", "Chim bỏo bóo"; ….	Bài thơ được sáng tác vào năm 1962, in trong tập "Hoa ngày thường - Chim báo bão".	Qua việc khai thác và phát triển hình ảnh con cò trong những câu hát ru quen thuộc, tác giả đã ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với cuộc đời mỗi người.	Bài thơ mang âm hưởng lời ru với giọng suy ngẫm mang tính triết lí, sử dụng hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng mà vẫn gần gũi, quen thuộc.
Viếng lăng Bác	Viễn Phương (1928 - 2005), quê ở An Giang. Ông vừa là nhà thơ, vừa là một chiến sĩ cách mạng tham gia hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. Thơ ông nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu cảm xúc. Tỏc phẩm: "Như mõy mựa xuõn" (1978) "Măt	Bài thơ được sáng tác năm 1976, sau ngày Miền nam hoàn toàn giải phóng, cũng là năm công trình lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mới hoàn thành, tác giả từ Miền nam ra viếng lăng bác.	Bài thơ là niềm xúc động chân thành tha thiết, lòng biết ơn, tự hào và niềm thương tiếc vô hạn của tác giả nói riêng, của đồng bào Miền nam nói chung	Giọng thơ trang trọng, tha thiết, sâu lắng với nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp, giàu tính biểu tượng vừa gần gũi

	sống học trũ", "Nhớ lời di chỳc"...		khi vào lăng viếng Bác.	thân quen, vừa sâu sắc mang giá trị biểu cảm cao.
Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải (1930 - 1980), quê ở Huế. Ông vừa là nhà thơ vừa là một chiến sĩ cách mạng đã cống hiến cả cuộc đời mình cho đất nước. Thơ ông bình dị, chân thành, lắng đọng để lại những ấn tượng khó quên trong lòng người đọc. Tác phẩm: "Những đồng chí trung kiên" (1962), "Huế mùa xuân", "Dấu võng Trường Sơn" (1977), "Mùa xuân đất này" (1982)	Bài thơ được sáng tác vào tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, cận kề với cái chết và trong khi đất nước đang chuẩn bị bước vào mùa xuân mới với 2 nhiệm vụ cách mạng là vừa xây dựng CNXH, vừa chiến đấu bảo vệ tổ quốc XHCN.	Bài thơ là những cảm xúc chân thành tha thiết của nhà thơ về mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân cách mạng và khát vọng cống hiến cả cuộc đời mình cho đất nước.	Âm hưởng thơ nhẹ nhàng, tha thiết, hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị kết hợp với những hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng, khái quát.
Sang thu	Hữu Thỉnh, tờn khai sinh là Nguyễn Hữu Thỉnh sinh năm 1942 quờ ở Tam Dương - Vĩnh Phỳc. ễng là nhà thơ - chiến sĩ viết hay, viết nhiều về con người, cuộc sống nụng thụn, về mựa thu. Thơ ụng ấm ỏp tỡnh người và giàu sức gợi cảm. Nhiều vần thơ thu của Hữu Thỉnh mang cảm xỳc bỗng khuõng vấn vương trước đất trời trong trẻo đang biến chuyển nhẹ nhàng. Tỏc phẩm chớnh: Tập thơ "Từ chiến hào đến thành phố"…	Viết vào năm 1977, được in lần đầu trên báo Văn nghệ, sau được in trong tập thơ "Từ chiến hào đến thành phố"	Bài thơ là những cảm nhận tinh tế về những chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời từ hạ sang thu, qua đó bộc lộ lòng yêu thiên nhiên gắn bó với quê hương đất nước của tác giả.	- Dùng những từ ngữ độc đáo, cảm nhận tinh tế sâu sắc. - Từ ngữ, hình ảnh gợi nhiều nét đẹp về cảnh về tình.

Ánh trăng	Nguyễn Duy, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ sinh năm 1948, quê ở Quảng Xá nay là phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Ông là nhà thơ quân đội, trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Được trao giải Nhất cuộc thi thơ Báo Văn nghệ năm 1972-1973.Thơ ông thường giàu chất triết lí, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở day dứt suy tư. Tác phẩm chính: Tập thơ "Cát trắng"; "ánh trăng"…	Bài thơ được sáng tác năm 1978, ba năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất n-ớc, con ng-ời đã qua thời đạn bom, sống trong hoà bình. Khi cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ hơn, ng-ời ta có thể vô tình quên đi quá khứ gian khổ, nghĩa tình. Bài thơ đ-ợc in trong tập thơ cùng tên của tác giả.	Bài thơ nh- một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao của cuộc đời ng-ời lính gắn bó với thiên nhiên đất n-ớc. Qua đó, gợi nhắc con ng-ời có thái độ ân nghĩa thuỷ chung	- Nh- một câu chuyện riêng có sự kết hợp hài hoà giữa tự sự và trữ tình. - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên, hài hoà, sâu lắng. - Nhịp thơ trôi chảy, nhẹ nhàng, thiết tha cảm xúc khi trầm lắng suy t- .

<u>Ví dụ 4</u>: HỆ THỐNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CÁC VĂN BẢN TRUYỆN VIỆT NAM

T/P	Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Nội dung	Nghệ thuật
Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ (? - ?) quê Thanh Miện, Hải Dương. Ông là học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm nên chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông đỗ đạt nhưng chỉ làm quan 1 năm rồi cáo quan về quê phụng dưỡng mẹ già, sáng tác văn chương. Tác phẩm chính của ông là tập "Truyền kì mạn lục" - Tập truyện viết bằng chữ Hán nổi tiếng	Tác phẩm được sáng tác khoảng giữa thế kỉ XVI. Đây là thời kì chế độ PKVN bắt đầu suy đồi, mâu thuẫn trong lòng chế độ ngày càng gay gắt dẫn đến sự phân hoá mạnh mẽ trong nội bộ giai cấp phong kiến, chiến tranh PK diễn ra liên miên. Đời sống	Tác phẩm đã lên án tố cáo XHPK trọng nam khinh nữ, nam quyền độc đoán với chiến tranh liên miên đồng thời cảm thông sâu sắc trước nỗi khổ đau bất hạnh của người phụ nữ , đề cao trân trọng vẻ đẹp của họ.	- Tác phẩm được sáng tác theo thể truyền kì, viết bằng chữ Hán; kết hợp các yếu tố hiện thực và yếu tố

	được mệnh danh là Thiên cổ kì bút.	nhân dân, đặc biệt là người phụ nữ vô cùng cực khổ.		hoang đường kì ảo với cách kể chuyện hấp dẫn, ngôn ngữ truyện cô đọng, hàm súc, kết hợp nghuần nhuyễn giữa văn xuôi văn vần và văn biền ngẫu
Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	Phạm Đình Hổ(1768 - 1839) tên chữ là Tùng Niên hoặc Bình Trực, hiệu Đông Dã Tiều. Quê Đan Loan- Đường An- Hải Dương (nay là Nhân Quyền- Bình Giang- Hải Dương); Sinh ra trong một gia đình khoa bảng, cha từng đỗ cử nhân, làm quan dưới triều Lê. Tác phẩm: "Vũ trung tuỳ bút" (Tùy bút viết trong những ngày mưa); "Tang thương ngẫu lục"...	Tác phẩm được sáng tác vào thế kỉ XVIII. Đây là thời kì chế độ PKVN thối nát, mục ruỗng, suy tàn. Chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến vẫn xảy ra liên miên, đất nước bị chia cắt, nền kinh tế đất nước bị đình trệ, đời sống nhân dân, đặc biệt là người phụ nữ lầm than cơ cực, phong trào nông dân khởi nghĩa chống chính quyền PK nổ ra ở khắp nơi.	Tác phẩm phản ánh đời sống xa hoa vô độ, sự nhũng nhiễu nhân dân của bọn vua chúa quan lại phong kiến thời vua Lê chúa Trịnh suy tàn.	- Được sáng tác theo thể tuỳ bút chữ Hán, tác phẩm đã ghi chép theo cảm hứng sự việc, câu chuyện con người đương thời một cách cụ thể,

				chân thực, sinh động
Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14)-	Ngô gia văn phái: Một nhóm các tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai tỉnh Hà Tây. Đây là dòng họ nổi tiếng về khoa bảng và làm quan.. Trong đó có hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1758- 1788) làm quan dưới thời Lê Chiêu Thống và Ngô Thì Du (1772- 1840) làm quan dưới thời Nguyễn.	Tác phẩm được sáng tác vào thế kỉ XVIII. Đây là thời kì chế độ PKVN thối nát, mục ruỗng, suy tàn. Chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến vẫn xảy ra liên miên, đất nước bị chia cắt, nền kinh tế đất nước bị đình trệ, đời sống nhân dân, đặc biệt là người phụ nữ lầm than cơ cực, phong trào nông dân khởi nghĩa chống chính quyền PK nổ ra ở khắp nơi.	Hồi 14 đã ghi lại hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ- Quang Trung với chiến công thần tốc đại phá quân Thanh; sự thất bại thảm hại của quân xâm lược và sự hèn nhát, bạc nhược của vua tôi Lê Chiêu Thống.	Là tiểu thuyết lịch sử chương hồi viết bằng chữ Hán; cách kể chuyện ngắn gọn, chọn lọc sự việc, khắc hoạ nhân vật chủ yếu qua hành động và lời nói.
Truyện Kiều	Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh trưởng trong một gia đình đại qúy tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống văn chương.Bản thân ông có tư tưởng trung thành với nhà Lê, từng chống lại Tây Sơn, sau có ý định trốn vào năm theo Nguyễn Ánh nhưng không thành. Sau một thời gian dài bị giam	Tác phẩm được sáng tác vào thế kỉ XVIII. Đây là thời kì chế độ PKVN thối nát, mục ruỗng, suy tàn. Chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến vẫn xảy ra liên miên, đất nước bị chia cắt, nền kinh tế đất nước bị đình trệ, đời sống nhân dân, đặc biệt là	Tác phẩm đã lên án tố cáo gay gắt, mạnh mẽ XHPK thối nát, bất công, trong đó, quan lại độc ác xấu xa, đồng tiền ngự trị tất cả, đồng thời thể hiện tấm lòng cảm thông trân trọng và bênh vực số phận người dân lương thiện, đặc biệt là	Truyện Kiều đạt đến đỉnh cao nghệ thuật, tiếp thu sáng tạo truyền thống văn học dân tộc và ngôn ngữ bình dị

	lỏng, sống lưu lạc nhiều nơi trên đất Bắc, cuối đời ông ra làm quan cho nhà Nguyễn. Nguyễn Du là người từng trải, có trái tim nhân hậu giầu tình yêu thương cảm thông với những số phận bất hạnh khổ đau, nhất là số phận người phụ nữ. Là một đại thi hào dân tộc, một danh nhân văn hoá thế giới, ngoài kiệt tác "Truyện Kiều", Nguyễn Du còn sáng tác các tập thơ chữ Hán: "Thanh Hiên thi tập"; "Nam Trung tạp ngâm"; "Bắc hành tạp lục" và một số bài Văn chiêu hồn ...	người phụ nữ lầm than cơ cực, phong trào nông dân khởi nghĩa chống chính quyền PK nổ ra ở khắp nơi, đỉnh cao là phong trào Tây Sơn.	số phận người phụ nữ tài hoa nhưng bất hạnh khổ đau.	của quần chúng cũng như ngôn ngữ mĩ lệ của văn chương bác học, đánh dấu bước trưởng thành lên tới đỉnh cao của thơ ca dân tộc. Ngoài ra, tác phẩm còn thành công về nghệ thuật xây dựng chân dung, tính cách nhân vật, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình ...
	Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), quê ở Tân Khánh, Tân Bình, Gia Định. Ông	Tác phẩm được sáng tác vào cuối thế kỉ XVIII, đây	Tác phẩm đã ca ngợi những con người sáng ngời	Tác phẩm thành

Truyện Lục Vân Tiên	sinh trưởng trong một gia đình nhà nho, có truyền thống văn chương. Cuộc đơi ông là một chuỗi nhưng mất mát, đau thương: Học vấn dở dang, ngoài 20 tuổi đã bị mù loà, bội ước, sống lang thang trong cảnh chạy giặc... nhưng ông đã vươn lên bằng một nghị lực phi thường để sống một cuộc đời có ích, có ích cho bản thân, cho dân, cho nước. Ông là tấm gương sáng về nhân cách cao đẹp và nghị lực phi thường. Tác phẩm: "Dương Từ-Hà Mậ", "Truyện Lục Vân Tiên", "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộ","Văn tế Trương Định"…	là thời đại đau thương nhất của dân tộc. Chế độ PK như đang quằn quại trong cơn hấp hối, thực dân Pháp xâm lược, triều đình PK hèn nhát, nhu nhược, bán nước cho gặc, đời sống nhân dân cơ cực lầm than, giá trị đạo đức đảo lộn, cái xấu, cái ác lan tràn …	lòng nhân nghĩa, lên án, tố cáo xã hội, trong đó cái xấu, cái ác lan tràn khắp nơi đã đẩy người lương thiện vào bất hạnh khổ đau	công về nghệ thuật xây dựng nhân vật, tính cách nhân vật gần với truyện dân gian. Cách kể chuyện mạch lạc, chặt chẽ, tình tiết truyện hấp dẫn, cuốn hút người đọc. Ngôn ngữ truyện giản dị, mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân Nam Bộ.
Làng	Kim Lân, tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài (1920-2007), quê ở Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là nhà văn có sở trường viết truyện	Truyện được sáng tác vào năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân	Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng	Xây dựng cốt truyện tâm lí,

	ngắn, là người am hiểu và gắn bó với nông thôn và người nông dân nên ông chủ yếu sáng tác về đề tài sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân sau luỹ tre làng. Tác phẩm: "Con chó xấu xí"; "Nên vợ nên chồn"; "Vợ nhặt"…	Pháp, được đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948.	mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân.	tình huống truyện đặc sắc; miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, tinh tế; ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ, thể hiện cá tính của nhân vật; cách trần thuật linh hoạt, tự nhiên.
Lặng lẽ Sa Pa-	Nguyễn Thành Long (1925 - 1991), quê ở Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí Truyện của ông thường trong trẻo, nhẹ nhàng, giàu chất thơ, thể hiện khả năng cảm nhận đời sống phong phú. Tác phẩm: Kí: "Bát cơm cụ Hồ" (1952); "Gió bấc gió nồm" (1956)… Truyện: "Chuyện nhà chuyện xưởng" (1962); "Trong gió bão" (1963)	Truyện được viết vào mùa hè năm 1970, là kết quả của chuyến thực tế ở Lào Cai của tác giả, khi miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH, xây dựng cuộc sống mới. Rút từ tập "Giữa trong xanh" (1972).	Truyện ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước.	Truyện xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên; miêu tả nhân vật từ nhiều điểm nhìn; ngôn ngữ

	"Tiếng gọi" (1966), "Giữa trong xanh" (1972)…			chân thực giàu chất thơ và chất hoạ; có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.
Chiếc lược ngà	Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Là một nhà văn Nam Bộ, ông am hiểu và gắn bó với mảnh đất Nam Bộ. Sáng tác của ông chủ yếu tập trung viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong chiến tranh và sau hoà bình. Tác phẩm: "Đất lửa"; "Cánh đồng hoang"; "Mùa gió chướng"; "Chiếc lược ngà"…	- Được viết năm 1966, khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ, tác phẩm được đưa vào tập truyện cùng tên.	Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con: ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh.	Nghệ thuật miêu tả tâm lí, tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em; xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên.
Những ngôi sao xa xôi	Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở Tĩnh Gia - Thanh Hoá. Bà thuộc thế hệ những nhà văn bắt đầu sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Đạt giải thưởng VH quốc tế mang tên văn hào Hàn Quốc Byeong Ju Lee(2008). Là nhà văn có sở trường viết truyện ngắn với ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế sắc	- Viết năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt. In trong tập truyện ngắn của Lê Minh Khuê, NXB Kim Đồng, Hà Nội 2001.	Cuộc sống chiến đấu của 3 cô gái TNXP trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng,	Sử dụng vai kể là nhân vật chính; cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động trẻ trung;

	sảo, đặc biệt là tâm lí nhân vật phụ nữ. Tác phẩm: "Những ngôi sao xa xô"; "Những ngôi sao,trái đất, dòng sông"(tuyển tập truyện ngắn)...		tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của họ.	nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc tinh tế, sắc sảo.
Bến quê	Nguyễn Minh Châu sinh năm 1930- mất năm 1989, quê ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ông là cây bút xuất sắc của văn học hiện đại, là hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam thời kì đổi mới, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT (2000) Truyện của ông thường mang ý nghĩa triết lí, đậm tính nhân sinh. Tác phẩm: "Dấu chân người lính"; "Cỏ lau"; "Mảnh trăng cuối rừng"…	In trong tập "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu năm 1985	Qua cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên giường bệnh truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gầngũi của cuộc sống của quê hương.	Tạo tình huống nghịch lí; trần thuật qua dòng nội tâm nhân vật; miêu tả tâm lí tinh tế; hình ảnh giàu tính biểu tượng; ngôn ngữ và giọng điệu giàu chất suy tư.

<u>Ví dụ 5</u>: HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM, LUẬN CỨ CỦA CÁC VĂN BẢN

TT	Tác phẩm (đoạn trích)	Luận điểm - luận cứ cơ bản
		**** Nhân vật Vũ Nương:*** ***- Là người phụ nữ đẹp người đẹp nết*** + Khi chồng ở nhà nàng hết mực giữ gìn khuôn phép, gia đình êm ấm hoà thuận.

1	**Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ)**	+ Khi chồng đi lính nàng ở nhà nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già. + Trước sau vẫn trọn tình, vẹn nghĩa, thuỷ chung. ***- Có số phận bất hạnh, oan trái..*** + Không có quyền quyết định hanh phúc đời mình, lấy phải người chồng đa nghi gia trưởng. + Sống cô đơn, vất vả trong cảnh thiếu phụ vắng chồng. + Bị chồng nghi oan, ruồng rẫy và đánh đuổi đi. + Phải trẫm mình trên bến sông Hoàng Giang để giải thoát cuộc đời mình khỏi oan trái, bất hạnh. **** Giá trị nội dung:*** - Giá trị hiện thực: TP đã phản ánh hiện thực XHPK đương thời, một XH trọng nam khinh nữ, nam quyền độc đoán với chiến tranh liên miên, trong đó, người phụ nữ là nạn nhân bất hạnh nhất. - Giá trị nhân đạo: + Lên án, tố cáo XHPK bằng tất cả thái độ căm phẫn. + Cảm thông, xót xa, bênh vực số phận đau khổ của người phụ nữ dưới chế độ p/k. + Ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ. + Thấu hiểu ước mơ khát vọng của người phụ nữ: Ước mơ có một mái ấm gia đình, vợ chồng bình đẳng, sớm tối bên nhau, ước mơ được giải oan...
2	**Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh (Phạm Đình Hổ)**	*** Thói ăn chơi xa xỉ, vô độ của chúa Thịnh Vương (Trịnh Sâm) và các quan hầu cận trong phủ chúa.** - Chúa cho xây dựng nhiều cung điện, đình đài ở các nơi để thoả mãn ý thích "đi chơi ngắm cảnh đẹp", ý thích đó cứ triền miên, nối tiếp đến không cùng, hao tiền tốn của. - Những cuộc rong chơi của chúa Thịnh Vương diễn ra thường xuyên "tháng 3, 4 lần" huy động rất đông người hầu hạ, các nội thần, các quan hộ giá nhạc công...bày ra nhiều trò giải trí lố lăng và tốn kém. - Thú chơi cây cảnh: trong phủ chúa với bao nhiêu "trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch" điểm xuyết bày vẽ ra hình non bộ trông như bến bể đầu non... *** Thói tham lam, nhũng nhiễu của quan lại.** - Dùng thủ đoạn "nhờ gió bẻ măng" ra doạ dẫm, cướp bóc của dân. - Lập mưu đêm đến cho tay chân sai lính lẻn vào "lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để doạ giẫm lấy tiền". - Ngang ngược "phá nhà, huỷ tường" của dân để khiêng hòn đá hoặc cây cối mà chúng cướp được.
		**** Hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.*** - Là người có lòng yêu nước nồng nàn.

3	**Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)**	+ Căm thù quân xâm lược + Quyết tâm diệt giặc bảo vệ đất nước. - Là người quyết đoán, trí thông minh sáng suốt, có tài mưu lược và cầm quân. + Tự mình "đốc suất đại binh" ra Bắc, tuyển mộ quân sĩ và mở cuộc duyệt binh lớn, đích thân dụ tướng sĩ, định kế hoạch tấn công vào đúng dịp Tết Nguyên Đán. + Có tài phán đoán, tài điều binh khiển tướng. + Chiến thuật linh hoạt, xuất quỷ nhập thần, biết tập trung vào những khâu hiểm yếu, then chốt. + Có tầm nhìn chiến lược, trước khi tiến công đánh giặc đã định được ngày chiến thắng. -> Hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ tiêu biểu cho truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, anh hùng dân tộc. **** Bộ mặt bọn xâm lược, bọn bán nước và sự thất bại của chúng.*** - Bản chất kiêu căng, tự phụ nhưng rất hèn nhát, ham sống sợ chết của bọn xâm lược, thể hiện qua nhân vật Tôn Sĩ Nghị và một số tướng của y. - Số phận hèn nhát, bạc nhược và bi đát của bọn vua quan bán nước.
4	**Chị em Thuý Kiều (Truyện Kiều- Nguyễn Du)**	*** Giới thiệu khái quát nét đẹp chung và riêng của hai chị em Thuý Vân và Thuý Kiều.** + Vẻ đẹp về hình dáng (mai cốt cách), vẻ đẹp về tâm hồn (tuyết tinh thần)-> hoàn mĩ "mười phân vẹn mười" + Mỗi người có vẻ đẹp riêng. *** Nhan sắc của Thuý Vân:** + Vẻ đẹp cao sang, quí phái "trang trọng khác vời": khuôn mặt, nét ngài, tiếng cười, giọng nói, mái tóc, làn da được so sánh với trăng, hoa, mây tuyết-> vẻ đẹp phúc hậu đoan trang. + Vẻ đẹp gần gũi với thiên nhiên, hoà hợp với thiên nhiên-> số phận bình lặng suôn sẻ. *** Vẻ đẹp của Thuý Kiều:** + Đẹp sắc sảo, mặn mà (trí tuệ và tâm hồn), đẹp nghiêng nước, nghiêng thành. + Đẹp đến độ thiên nhiên phải ghen ghét, đố kị -> số phận đau khổ, truân chuyên, sóng gió. + Thuý Kiều là con người đa tài, hoàn thiện, xuất chúng. + Trái tim đa sầu, đa cảm.
5	**Cảnh ngày xuân**	*** Khung cảnh mùa xuân bát ngát, tràn đầy sức sống.** + Nền xanh ngút mắt, điểm vài bông lê trắng -> màu sắc hài hoà, sống động mới mẻ, tinh khiết. + Bút pháp ước lệ cổ điển: pha màu hài hoà.

	(Truyện Kiều- Nguyễn Du)	*** Không khí lễ hội đông vui, náo nhiệt với những phong tục truyền thống.** - Lễ tảo mộ - Hội đạp thanh ***Cảnh thiên nhiên buổi chiều đẹp nhưng thoáng buồn có dáng người buâng khuâng, bịn rịn, xao xuyến.**
6	**Mã Giám Sinh mua Kiều (Truyện Kiều- Nguyễn Du)**	*** Mã Giám Sinh.** + Chưng diện, chải chuốt, mặc dù đã ngoài 40: trang phục, diện mạo... + Thiếu văn hoá, thô lỗ, sỗ sàng: nói năng cộc lốc, hành động, cử chỉ sỗ sàng "ngồi tót". + Gian xảo, dối trá, đê tiện, bỉ ổi, táng tận lương tâm -> tên buôn thịt bán người. *** Cảnh ngộ và tâm trạng của Thuý Kiều.** + Nhục nhã, ê chề: "Ngừng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày" + Đau đớn, tủi hổ, giàu lòng tự trọng.
7	**Kiều ở lầu Ngưng Bích (Nguyễn Du)**	*** Thiên nhiên hoang vắng, bao la đến rợn ngợp** *** Tâm trạng đau khổ, cô đơn, nhớ nhung, lo lắng sợ hãi của Thuý Kiều:** + Tâm trạng cô đơn, lẻ loi, nhớ nhung trong tuyệt vọng (nhớ người yêu, nhớ cha mẹ ...) + Nỗi buồn trào dâng, lan toả vào thiên nhiên như từng đợt sóng. . Cửa bể chiều hôm: bơ vơ, lạc lõng. . Thuyền ai thấp thoáng xa xa: vô định. . Ngọn nước mới sa, hoa trôi: tương lai mờ mịt, không sức sống. . Tiếng sóng: sợ hãi, dự cảm về cuộc sống. . Buồn trông: điệp từ-> nỗi buồn dằng dặc, triền miên, liên tiếp...
8	**Lục Vân Tiên cứu kiều Nguyệt Nga (Truyện Lục Vân Tiên- Nguyễn Đình Chiểu)**	*** Hình ảnh Lục Vân Tiên - người anh hùng nghĩa hiệp** - Là anh hùng tài năng có tấm lòng vì nghĩa vong thân. - Là con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu. - Là người có lý tưởng sống sống cao đẹp : " Nhớ câu kiến nghĩa bất vi, Làm người thế ấy cũng phi anh hùng". *** Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga:** - Là cô gái khuê các, thuỳ mị nết na, có học thức . - Là người rất mực đằm thắm và trọng ân tình.
9	**Lục Vân Tiên gặp nạn (Truyện Lục Vân Tiên- Nguyễn Đình Chiểu)**	*** Nhân vật Ngư Ông:** - Có tấm lòng lương thiện , sống nhân nghĩa . - Có một cuộc sống trong sạch, ngoài vòng danh lợi. *** Nhân vật Trịnh Hâm:** - Là người có tâm địa độc ác, gian ngoan xảo quyệt. - Là kẻ bất nhân, bất nghĩa.

10	**Đồng chí (Chính Hữu)**	**** Hình tượng người lính thời kì đầu kháng chiến.*** **- Hình ảnh người lính hiện lên một cách chân thực, cảm động:** + Họ là những người nông dân áo vải, ra đi từ những miền quê nghèo khó "nước mặn đồng chua", "đất cày lên sỏi đá" bước vào cuộc chiến đấu gian khổ. + Chấp nhận cuộc sống quân ngũ đầy thiếu thốn: "áo rách vai"; "quần vài mảnh vá". "chân không giầy"; gian khổ: "cười buốt giá, 'sốt run người;; ... **- Hình ảnh người lính với vẻ đẹp tình cảm, tâm hồn:** + Có lí tưởng: Lí tưởng giải phóng đất nước, giải phóng quê hương, giải phóng cuộc đời mình đã khiến họ từ mọi phương trời xa lạ tập hợp trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên thân quen gắn bó: "Súng bên súng, đầu sát bên đầu;; + Có mục đích: Tất cả vì Tổ quốc mà hy sinh ... Họ gửi lại quê hương tất cả: *"Gian nhà không mặc kệ gió lung lay"* + Có tình đồng chí, đồng đội gắn bó, keo sơn: .Được nảy sinh từ nhiều điểm chung: cảnh ngộ, lí tưởng, nhiệm vụ... để rồi thành mối tình tri kỉ: *Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*. Tình cảm ấy phát triển thành tình *Đồng chí.* . Tình đồng chí giúp người lính vượt lên trên mọi khó khăn gian khổ, giúp họ chia sẻ cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau "Ruộng nương anh gửi bạn thân cày"... "Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính"; Giúp họ vượt qua những gian lao thiếu thốn của cuộc kháng chiến: "áo rách vai", "chân không giày", cùng chịu đựng những cơn sốt "run người"... Tình cảm lặng thầm mà cảm động "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay". Sức mạnh ấy đã giúp người lính luôn chủ động trong tư thế chờ giặc tới: "Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới" + Có tâm hồn lãng mạn, lạc quan: "miệng cười buốt giá"; hình ảnh "đầu súng, trăng treo" gợi nhiều liên tưởng phong phú ➤ Vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp. Hình tượng người lính được thể hiện qua các chi tiết, hình ảnh chân thực, cô đọng mà giàu sức biểu cảm, hướng về khai thác đời sống nội tâm. **** Tình đồng chí của những người lính*** **- Cơ sở hình thành tình đồng chí** + Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó. + Tình đồng chí được nảy sinh từ sự cùng chung nhiệm vụ, sát cánh bên nhau trong chiến đấu. + Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và trở thành bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt.

		- Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí. + Đồng chí, đó là sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau. + Đồng chí là cùng nhau chia sẻ những thiếu thốn, gian khổ của cuộc đời người lính. + Tình cảm gắn bó sâu nặng "tay nắm lấy bàn tay" cử chỉ mà nhữngngười lính như được tiếp thêm sức mạnh vượt qua mọi gian khổ. + Vẻ đẹp của tình đồng chí: "Đêm nay rừng hoang sương muối....Đầu súng trăng treo"
11	**Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)**	**** Hình ảnh những chiếc xe không kính:*** - Hình ảnh độc đáo " Những chiếc xe không kính" là một hình ảnh thực, bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe biến dạng. - Là một hình tượng thơ độc đáo của thời chiến tranh chống Mĩ. **** Hình ảnh những chiến sĩ lái xe.*** - Tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm coi thường gian khổ hiểm nguy. + Ung dung, hiên ngang. + Thái độ bất chấp khó khăn gian khổ, hiểm nguy. - Trẻ trung, tếu táo, tinh nghịch, tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết. + Tác phong rất lính, sôi nổi, nhanh nhẹn, tinh nghịch, lạc quan yêu đời. + Gắn bó thân thiết như anh em một nhà: Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy. - ý chí quyết tâm chiến đấu vì giải phóng Miền Nam, thống nhất Tổ Quốc.
12	**Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)**	**** Cảnh đoàn thuyền ra khơi (2 khổ đầu).*** - Bức tranh lộng lẫy hoành tráng về cảnh thiên nhiên trên biển. - Đoàn thuyền đánh cá lên đường ra khơi cùng cất cao tiếng hát. **** Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển (4 khổ thơ tiếp)*** - Thiên nhiên bừng tỉnh, cùng hoà nhập vào niềm vui của con người - Vẻ đẹp lung linh huyền ảo của biển, cảnh đánh cá đêm trên biển. - Bài hát cảm tạ biển khơi hào phóng, nhân hậu, bao dung. - Không khí lao động với niềm say mê, hào hứng, khoẻ khoắn, thiên nhiên đã thực sự hoà nhập vào nhau, hỗ trợ cho nhau, tạo thành sức mạnh trong cuộc chinh phục biển cả. **** Cảnh đoàn thuyền trở về (khổ cuối)*** - Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về sau một đêm lao động khẩn trương. - Tiếng hát diễn tả sự phấn khởi của những con người chiến thắng.

13	**Bếp lửa (Bằng Việt)**	**** Hồi tưởng về bà và tình bà cháu.*** - Sự hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương về bếp lửa. - Thời ấu thơ bên bà là một tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn nhọc nhằn - Kỉ niệm về bà và những năm tháng tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa. **** Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa.*** - Cuộc đời bà khó nhọc, lận đận , chịu đựng nhiều mất mát. - Sự tần tảo , đức hy sinh chăm lo cho mọi ng- ời của bà. - Bếp lửa tay bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên niềm yêu thương, niềm vui sưởi ấm, san sẻ và còn " Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ"; ngọn lửa bà nhen là ngọn lửa của sức sống, lòng yêu th- ơng và niềm yêu th- ơng bất diệt. **** Nỗi nhớ mong của ng□ời cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê h□ơng và đất n□ớc.*** - Cuộc sống sung s- ớng đầy đủ và tràn niềm vui. - Không nguôi quên những năm tháng tuổi thơ ở với bà và tình cảm ấm áp của bà với lòng biết ơn...
14	**Ánh trăng (Nguyễn Duy)**	**** Con người và vầng trăng trong quá khứ.*** - Quá khứ: Thời thơ ấu và những ngày chiến đấu ở rừng của con người, Trăng luôn là người bạn tri kỉ. - Với người, trăng còn là tình nghĩa - Con người luôn tự nhủ không bao giờ quên vầng trăng tri kỉ, tình nghĩa. **** Con người và vầng trăng trong hiện tại.*** - Hoàn cảnh sống thay đổi, con người sống trong sự đủ đầy về vật chất với những tiện nghi hiện đại, sang trọng (ánh điện, cửa gương, toà buyn đinh...) - Con người đã lãng quên vầng trăng, trăng trở thành người dưng qua đường như chưa từng gắn bó sẻ chia... - Gặp khó khăn, trắc trở (đèn điện tắt, phòng buyn đinh tối om ...), con người vội tìm đến với vầng trăng, thấy trăng vẫn thuỷ chung, tròn đầy, vẫn luôn lặng lẽ bên mình... - Sự lặng im nghiêm khắc nhưng bao dung của vầng trăng đã đánh thức bao kỉ niệm tưởng đa lãng quên trong lòng người, khiến cho con người cảm thấy "rưng rưng" nỗi nhớ đến khắc khoải và da diết đối với quá khứ bình dị, mộc mạc mà thiêng liêng. Con người "giật mình" thức tỉnh trước lối sống, thái độ sống của mình. Lòng trào lên nỗi xót xa, day dứt, ân hận ... **** Suy tư của tác giả mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.*** - Vầng trăng không chỉ đơn giản là vầng trăng thiên nhiên mà nó đã trở thành một biểu tượng cho những gì thuộc về quá khứ, ân nghĩa của con người.

		- Bước qua thời chiến tranh, sống trong cảnh hoà bình, cuộc sống của con người đổi thay, ngập chìm trong hạnh phúc, không ít người đã vô tình lãng quên quá khứ, quên đi ân nghĩa một thời. - Trong khoảnh khắc hiện tại, hình ảnh vầng trăng đột ngột xuất hiện trong đêm điện tắt đã đánh thức trong tâm hồn con người bao kỉ niệm... - Con người ngỡ ngàng đến thảng thốt, rồi rưng rưng hoài niệm, để đọng lại cuối cùng là nỗi niềm day dứt, ân hận: "giật mình" soi lại mình, suy ngẫm về quá khứ, cần sống có trách nhiệm với quá khứ, về hiện tại, về sự vô tình vô nghĩa đáng trách giận. - "Giật mình" nhắc nhở không được phép lãng quên quá khứ, cần có trách nhiệm với quá khứ, coi quá khứ là điểm tựa cho hiện tại, lấy quá khứ để soi vào hiện tại. Sống thuỷ chung, nghĩa tình với quá khứ. Đó là một đạo lí truyền thống của dân tộc Việt Nam: Đạo lí thuỷ chung, ân tình, nghĩa tình.
15	**Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm)**	**** Khúc ca thứ nhất là tiếng ru khi mẹ địu con giã gạo.*** - Trái tim yêu thương mênh mông của người mẹ nghèo. - Hạt gạo hậu phương, hạt gạo của mẹ nặng tình nặng nghĩa. **** Khúc ca thứ hai là tiếng ru khi mẹ tỉa bắp trên núi Ka-lưi.*** - Người mẹ cần cù và đảm đang vừa địu con, vừa làm rẫy. - Tình yêu thương, niềm tự hào của mẹ đối với cu Tai - Mẹ nhân hậu, lòng mẹ bao la mang nặng tình làng nghĩa xóm. **** Khúc ca thứ 3 là khúc ca chiến đấu.*** - Cả gia đình mẹ cùng ra trận, mang tầm vóc anh hùng. - Mẹ địu con ra trận, đi tiếp tế, đi tải đạn vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. **** Giấc mơ tình thương, giấc mơ về ấm no, hạnh phúc, giấc mơ độc lập, tự do***-> tình yêu quê hương đất nước, ý chí chiến đấu cho độc lập tự do và khát vọng thống nhất nước nhà.
16	**Con cò** **(ChếLanViên)**	**** Đoạn 1: Hình ảnh con cò qua những lời ru bắt đầu đến với tuổi ấu thơ.*** - Hình ảnh con cò từ lời hát ru gợi lên cuộc sống thanh bình, gợi lên cuộc sống lam lũ, vất vả, cực nhọc xưa kia. - Hình ảnh con cò đã đến với tâm hồn tuổi ấu thơ một cách vô thức. - Con được đón nhận tình yêu và sự che chở của người mẹ. **** Đoạn 2: Hình ảnh con cò trong tiềm thức của tuổi thơ và trong mỗi bước đường khôn lớn của con người.*** - Cánh cò từ trong lời ru đã đi vào tiềm thức của tuổi thơ, trở nên gần gũi thân thiết và sẽ theo cùng con người đến suốt cuộc đời. - Hình ảnh con cò đã gợi ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ, về sự dìu dắt, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ. - Cánh cò đã trở thành bạn đồng hành của con người trên suốt chặng đường đời từ tuổi ấu thơ trong nôi đến khi trưởng thành.

		**** Đoạn 3: Từ hình ảnh con cò, suy ngẫm và triết lý về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi con người.*** - Hình ảnh con cò được nhấn mạnh ở ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng người mẹ, lúc nào cũng ở bên con đến suốt cuộc đời. - Qui luật của tình cảm có ý nghĩa bền vững, rộng lớn và sâu sắc " Con dù lớn vẫn là con của mẹ, Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con." - Nghĩ về con cò trong ca dao, nghĩ về cuộc đời con mai sau, người mẹ nghĩ về thân phận, số phận những con cò nhỏ bé đáng thương, đáng trọng.
17	**Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)**	**** Cảm xúc của tác tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất trời (khổ đầu)*** Tâm trạng náo nức, xôn xao, say sưa, ngây ngất trước mùa xuân thiên nhiên xứ Huế tươi đẹp, rộn ràng và tràn đầy sức sống. **** Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của đất nước (khổ 2,3)*** - Vui say tr- ớc mùa xuân cách mạng: Hình ảnh "người cầm súng", "người ra đồng" biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động xây dựng đất n- ớc... - Tự hào về sức sống bền vững của đất n- ớc bốn nghìn năm qua bao vất vả, gian lao vẫn v- ợt lên và mỗi mùa xuân về đ- ợc tiếp thêm sức sống để bừng dậy với nhịp diệu hối hả, sôi động. **** Tâm niệm của nhà thơ dâng trọn □ mùa xuân nho nhỏ□ của mình cho đất n□ớc, cho cuộc đời (còn lại)*** - Khát vọng đ- ợc hoà nhập vào cuộc sống của đất n- ớc, cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất n- ớc. - Điệu Nam ai, Nam bình mênh mang, tha thiết đ- ợc cất lên ngợi ca quê h- ơng đất n- ớc, thể hiện niềm tin yêu, gắn bó sâu nặng .
18	**Sang thu (Hữu Thỉnh)**	**** Cảm nhận của tác giả trước thiên nhiên đất trời sang thu*** *- Khổ 1: Tín hiệu của sự chuyển mùa từ cuối hạ sang đầu thu.* + Ngọn gió se nhẹ nhàng, mang theo hương ổi, màn sương giăng qua ngõ. + Nhân hoá làn sương: mùa thu mang đậm hồn người với tâm trạng ngỡ ngàng, bâng khuâng (bỗng, hình như) *- Khổ 2: Thiên nhiên ở thời điểm giao mùa.* + Dòng sông không cuồn cuộn dữ dội và gấp gáp như những ngày mưa lũ mùa hạ, mà êm ả, dềnh dàng, đang lắng lại, đang trầm xuống trong trong lững lờ, thảnh thơi nhưng đầy ngẫm nghĩ, suy tư . + Tương phản với sông, chim lại bắt đầu vội vã, khẩn trương chuẩn bị cho chuyến bay tránh rét .

		+ Đám mây như một dải lụa trên bầu trời nửa đang còn là mùa hạ, nửa đã nghiêng về mùa thu. Bầu trời nửa thu, nửa hạ. Đám mây mùa hạ đang nhuốm sắc thu. **** Những suy ngẫm của tác giả trước thiên nhiên đất trời sang thu .*** - Vẫn là nắng mưa, sấm chớp, bão dông như mùa hạ, nhưng mức độ đã khác. - Sang thu không những dịu nắng, bớt mưa mà mưa cũng thưa và nhỏ dần, không đủ sức lay động những hàng cây cổ thụ khi đã trải qua bao mùa xuân, hạ. - Cũng giống như "hàng cây đứng tuổi", khi con người đã từng va chạm, nếm trải cuộc đời thì sẽ vững vàng hơn, chín chắn hơn trước mọi tác động bất thường của ngoại cảnh.
19	**Nói với con (Y Phương)**	**** Tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương đối với con.*** - Không khí gia đình tràn đầy niềm vui và hạnh phúc, con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương của mọi người . - Con lớn lên trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương; đây là nơi che chở, đùm bọc và nuôi dưỡng con người từ tình cảm đến lối sống. **** Ca ngợi những đức tính cao đẹp của con người quê hương và thể hiện mong ước của người cha qua lời tâm tình với con.*** - Ca ngợi những đức tính cao đẹp của "người đồng mình": Sống thuỷ chung, mạnh mẽ và tràn đầy niềm tin. - Người cha muốn truyền vào con lòng chung thuỷ với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua mọi khó khăn thử thách bằng niềm tin của mình. Cuộc sống dù có đói nghèo, con người dẫu " thô sơ da thịt", nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, biết lo toan và mong ước, biết tự lực, tự cường xây dựng quê hương, duy trì những tập quán tốt đẹp. - Người cha mong muốn con mình hãy tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, lấy đó làm hành trang để vững bước trên đường đời .
		**** Cảm xúc của tác giả*** - Cách xưng hô "con" và "Bác" rất gần gũi, thân thương vừa trân trọng thành kính; Thay từ "viếng" bằng từ "thăm" như dùng lí trí để chế ngự tình cảm, cố kìm nén nỗi xúc động. - Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác hiện lên trong màn sương sớm, một hình ảnh thân thuộc của quê hương Việt Nam. Một tình cảm vừa thân quen vừa tự hào bởi cây tre là biểu tượng của con người Việt Nam với bản lĩnh, sức sống bền bỉ, kiên cường.

20	**Viếng lăng Bác (Viễn Phương)**	**** Cảm xúc của tác giả khi đứng trước lăng*** - Hình ảnh ẩn dụ "Mặt trời trong lăng rất đỏ" vừa ca ngợi Bác cũng vĩ đại, trường tồn như vầng mặt trời, vừa thể hiện sự biết ơn, tôn kính của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác. - Niềm xúc động, lòng thành kính của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác: **** Cảm xúc của tác giả khi vào lăng viếng Bác*** - Không gian yên tĩnh thiêng liêng và ánh sáng thanh khiết, dịu nhẹ: h/ả ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền" nâng niu giấc ngủ bình yên của Bác gợi nhớ tâm hồn cao đẹp, sáng trong và những vần thơ tràn đầy ánh trăng của Người. - Niềm xúc động thành kính và nỗi xót đau vô hạn vì sự ra đi của Bác: Tự nhủ Bác vẫn còn sống mãi với non sông đất nước như trời xanh mãi mãi nhưng hiện thực Bác đã ra đi mãi mãi khiến trái tim nhà thơ đau nhói, xót xa. **** Cảm xúc của tác giả khi ra về.*** - Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác: Nỗi xót thương trào nước mắt. - Nỗi xót thương như nén giữa tâm hồn, làm nảy sinh bao ước muốn tha thiết và chân thành: muốn được bên Bác mãi mãi, trọn đời trung hiếu với Bác...
21	**Làng (Kim Lân)** *(Nhân vật ông Hai)*	**** Ông Hai là người nông dân cần cù chất phác, tình tình xởi lởi, vui chuyện***: Ông hay lam hay làm, nóng nảy, ngay thẳng, hay khoe về làng bằng tất cả niềm tự hào kiêu hãnh như bản tính vốn có của người nông dân Việt Nam **** Là người yêu làng, yêu nước, thủy chung với kháng chiến.*** + Tự hào, hãnh diện về sự giàu đẹp và tinh thần kháng chiến của làng: Thường xuyên khoe làng cho đỡ nhớ, thường xuyên quan tâm đến mọi tin tức của làng, da diết nhớ đến những ngày hoạt động kháng chiến giữ làng cùng anh em du kích. + Quyết tâm kháng chiến, tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của cụ Hồ, không muốn rời làng đi tản cư. + Khi nghe tin làng làm Việt gian theo Tây: Ông bẽ bàng, đau đớn, xấu hổ, tủi thân, lúc nào cũng lo lắng, chột dạ, nơm nớp, lẩn trốn mọi người như chính mình phạm tội; thù làng, thù những kẻ phản bội, quyết không trở về làng; trò chuyện với đứa con nhỏ vợi bớt nỗi khổ đau, trút gánh nặng mặc cảm và để thổ lộ tình yêu cách mạng. + Khi tin làng làm Việt gian được cải chính: Ông sung sướng, hạnh phúc, hồn nhiên như một đứa trẻ: mặt vui tươi, rạng rỡ hẳn lên, mua quà cho con; lật đật sang nhà ông Thứ để khoe, đi lên

		nhà trên, bỏ đi nơi khác, múa cái tay lên mà khoe nhà ông bị đốt, làng ông bị cháy -> thà mất mát, hi sinh để đánh đổi danh dự cho làng. -> Ông hai tiêu biểu cho hình ảnh người nông dân Việt Nam yêu làng, tình yêu ấy gắn bó và thống nhất với tình yêu đất nước và tinh thần kháng chiến trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
22	**Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)**	***1.Anh thanh niên:*** **a.Hoàn cảnh sống và làm việc:** Anh sống và làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt - Là "người cô độc nhất thế gian": sống một mình trên đỉnh Yên Sơn, quanh năm suốt tháng sống giữa "bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo", cô đơn đến mức "thèm người" quá phải kiếm kế dừng xe qua đường để được gặp người. - Công việc của anh là "làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu", công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, chấn động mặt đất" ... **b. Vẻ đẹp tâm hồn:** **** Là người yêu say công việc, khát khao cống hiến.*** - Anh có nhận thức đúng đắn về công việc mình: *Góp vào việc dự báo thời tiết hàng ngày giúp nhân dân Miền Bắc sản xuất và chiến đấu ...* - Yêu công việc, kiên trì, không ngại gian khổ, khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ: *"Khi ta làm việc .... chứ sao gọi là một mình được ... buồn đến chết mất"...* - Thạo việc và làm việc một cách tỉ mỉ và chính xác: *không nhìn mây cháu nhìn gió lay lá, nhìn sao trời có thể nói được mây, tính được gió.* - Luôn tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc trung công việc: Khi biết mình đã góp phần giúp không quân ta bắn rơi được nhiều máy bay trên cầu Hàm rồng, anh "*thấy mình thật hạnh phúc"*. Với anh, hạnh phúc là được cống hiến thật nhiều cho đất nước. **** Có lối sống giản dị, khiêm tốn, có tâm hồn nhạy cảm, trẻ trung, trong sáng*** + Sống giản dị: "Cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách". + Khiêm tốn: Không để cho hoạ sĩ vẽ mình mà giới thiệu với ông về những con người lao động khác mà anh cho là xứng đáng hơn mình. + Luôn cởi mở, chân thành, quan tâm, chu đáo với mọi người: Tặng vợ bác lái xe gói củ tam thất, tặng hoa cho cô gái, biếu mọi người làn trứng để ăn đường-> tấm lòng nhân hậu. + Tổ chức cuộc sống ngăn nắp, phong phú: đọc sách, trồng hoa, nuôi gà...

		Tóm lại: Anh thanh niên là hình ảnh tiêu biểu cho những con người lặng lẽ làm việc và cống hiến cho đất nước, là hình ảnh đẹp của thế hệ trẻ - những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng CNXH của đất nước. ***2. Các nhân vật phụ***: Ông hoạ sĩ, cô kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, ông kĩ sư vườn rau, bác lái xe ... Tuy họ khác nhau về tuổi tác, về công việc, về môi trường sống và làm việc nhưng họ đều gặp gỡ nhau ở tinh thần làm việc hết mình, ở sự cống hiến hết mình cho đất nước. Đồng thời họ đều là những người sống giản dị, nhân hậu, luôn quan tâm đến mọi người * Sự xuất hiện của các nhân vật phụ trong tác phẩm đã góp phần khắc hoạ đậm nét nhân vật anh thanh niên. Cùng với anh, họ đã tạo nên một tập thể những con người lao động mới ngày đêm làm việc và cống hiến hết mình cho đất nước.
23	**Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)**	**1. Nhân vật bé Thu.** **** Có tình yêu cha sâu sắc và mãnh liệt*** *- Kính yêu, tôn thờ người cha của mình (những ngày ông Sáu nghỉ phép)* + Lạ lùng, sợ hãi và bỏ chạy khi nghe ông Sáu gọi: nghe gọi con bé giật mình, tròn xoe mắt nhìn, ngơ ngác, lạ lùng, tái mặt đi, vụt chạy và thét lên... + Kiên quyết không chịu nhận ông Sáu là "ba" vì Thu đã khắc ghi trong lòng hình ảnh về ngươi cha trong tấm hình: Kiên quyết không gọi ông Sáu là Ba, khước từ một cách cương quyết sự giúp đỡ cũng như sự quan tâm, tình cảm của ông Sau dành cho. *- Tình yêu cha sâu sắc và mãnh liệt (Ngày ông Sáu lên đường)* + Cả đêm trước nằm im, lăn lộn, thở dài khi nghe bà ngoại lí giải. + Lặng lẽ đứng ở góc nhà, đôi mắt buồn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa... + Cất tiếng gọi ba như xé ruột: “ Ba...a...a...ba”. Tiếng gọi “ba” như thét sau 3 ngày, sau 8 năm kìm nén trong lồng ngực, trong trái tim chan chứa tình yêu thương, là tiếng gọi ba lần đầu và cũng là lần cuối cùng - thật cảm động và đau đớn. + Hôn cha cùng khắp, hôn lên cả vết thẹo trên mặt ba, vết thẹo - thủ phạm gây nghi ngờ, chia rẽ tình cảm cha con, vết thương chiến tranh, không muốn rời xa ba ... ***- Là cô bé ngây thơ, ương ngạnh, cứng cỏi. mạnh mẽ và sâu sắc.*** + Sự ngây thơ, chân thành của đứa bé 8 tuổi, đứa trẻ Nam bộ trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. + Dứt khoát, rạch ròi, quyết liệt: nhất quyết không gọi “ba”, phản ứng mạnh mẽ...

		+ Kiêu hãnh về một tình yêu, niềm tự hào dành cho người cha của mình, người cha chụp hình chung với má. + Tận hưởng một cách vồ vập, hối tiếc cái tình cha con máu mủ trong giờ phút ngắn ngủi lúc chia tay. ***2. Nhân vật ông Sáu: Là người cha thương yêu con vô cùng.*** **** Những ngày nghỉ phép*** *- Ông háo hức, chờ đợi giây phút được gặp con và khao khát được nghe tiếng gọi "ba" của đứa con.* + Cái tình cha con cứ nôn nao trong con người anh, không chờ xuồng cập bến anh nhún chân nhảy thót lên, anh bước vội vàng những bước dài, vừa bước vừa khom lưng đưa tay đón chờ con. + Anh mong được nghe một tiếng gọi "ba" của con bé, những con bé chẳng bao giờ chịu gọi. *- Tìm đủ mọi cách để gần gũi con, thương yêu con.* + Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. + Anh ngồi im giả vờ không nghe chờ nó gọi " Ba vô ăn cơm" + Trong bữa cơm, anh gắp trứng cá cho con... *- Hụt hẫng, đau khổ khi con không nhận mình là cha.* + Anh không ghìm nổi xúc động, vết thẹo dài bên má đỏ ửng, giần giật, giọng lặp bặp, run run; Ba đây con... + Anh đứng sững, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy. + Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được nên phải cười vậy thôi. *- Bực mình trước sự ương ngạnh thái quá của con*: không kìm nổi cảm xúc, ông đã đánh con: "Giận qúa, không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông con bé và hét lên: - Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?" *- Hạnh phúc tột cùng khi con nhận ra anh là "ba"***:** trong tiếng thét; anh ôm con "rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con"... ***- Vào chiến trường:*** + Hối hận, day dứt vì đánh con. + Dồn toàn bộ niềm say mê, tình yêu thương để làm chiếc lược cho con, anh khắc lên chiếc lược dòng chữ*" Yêu nhớ tặng Thu, con của ba"* dòng chữ chứa bao nhiêu tình cảm sâu nặng của người cha. + Trước khi hy sinh, ông nhờ bạn mình chuyển cây lược về cho con gái. Chiếc lược là biểu tượng của tình phụ tử, là chiếc lược của tình yêu thương.
		1. Hoàn cảnh éo le của nhân vật Nhĩ: Từng đi nhiều nơi trên thế giới nhưng vào những ngày cuối đời lại bị buộc chặt vào giường bệnh.

24	**Bến quê (Nguyễn Minh Châu)**	**2. Tâm trạng của Nhĩ trong buổi sáng đầu thu nơi bến quê:** ***- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên vào một buổi sáng đầu thu ở bến quê:*** Đó là vẻ đẹp giản dị nhưng trường cửu, vẻ đẹp của quê hương . + Một không gian có chiều sâu , rộng và sống động lạ thường: hoa bằng lăng tím, tia nắng sớm màu vàng thau, màu xanh non của bãi bồi thân thuộc như da thịt, hơi thở của đất đai màu mỡ. + Không gian và những cảnh sắc ấy vốn quen thuộc, gần gũi, nhưng lại rất mới mẻ với Nhĩ, tưởng chừng như lần đầu tiên anh cảm nhận được tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó. ***- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của vợ mình. Anh hiểu rằng gia đình là điểm tựa vững chắc nhất của cuộc đời mỗi con người.*** + Cảm nhận được sự khắc khổ ,vất vả của Liên qua cái áo vá, và những ngón tay gầy guộc của chị: "lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá" + Cảm nhận được tình yêu thương , sự tần tảo và đức hy sinh thầm lặng của Liên. + Thực sự thấu hiểu và biết ơn sâu sắc người vợ của mình: *"Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm... mà em vẫn nín thinh "* ***- Nhĩ cảm nhận được sự quan tâm, tình yêu thương, lòng nhân hậu của cụ giáo Khuyến và lũ trẻ con hàng xóm.*** ***- Nhĩ khao khát muốn đặt chân lên bãi bồi bên kia sông.*** + Khao khát muốn tìm đến những giá trị gần gũi nhưng đích thực và sâu xa trong cuộc sống nơi quê hương mà con người vì những bồng bột và những ham muốn xa vời lúc còn trẻ đã bỏ qua. + Không thực hiện được niềm khao khát anh đành nhờ con trai nhưng đứa con không hiểu đã thực hiện một cách miễn cưỡng và lại sa vào đám phá cờ thế trên hè phố, có thể bị lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày. + Hành động cuối cùng của Nhĩ thể hiện tâm trạng giằng xé đau khổ vừa tuyệt vọng, bất lực vừa thúc dục, thức tỉnh mọi người hướng tới những giá trị đích thực của cuộc sống. *** ý nghĩa triết lí**: Tác phẩm chứa đựng những nhận thức sâu sắc về cuộc đời, cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, những điều nghịch lý, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta(vòng vèo, chùng chình) * Những trải nghiệm của đời người: bến đậu bình yên nhất, đẹp đẽ nhất, chỗ dựavững chắc nhất của đời người là gia đình và quê hương.

25	**Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)**	1. **Những cô gái TNXP trong tổ trinh sát mặt đường.** - Hoàn cảnh sống và chiến đấu nơi tuyến lửa đã gắn bó họ thành một khối. + Hoàn cảnh sống vô cùng gian khổ, ác liệt: đóng quân ở một cái hang giữa một vùng trọng điểm. + Công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức: chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch... - Họ đều có phẩm chất chung của những chiến sĩ TNXP ở chiến trường. + Tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ . + Lòng dũng cảm không sợ hy sinh . + Có tình đồng đội gắn bó. - Họ là những cô gái trẻ yêu đời, dễ rung cảm, lắm ước mơ và thích làm đẹp cho cuộc sống. - Mỗi người có một tính cách và sở thích riêng: + Chị Thao từng trải, chăm chép bài hát dù giọng chua và hát sai nhịp. + Nho vô tư hồn nhiên, thích thêu thùa. + Phương Định mơ mộng, thích hát và ngồi bó gối mơ màng, hay soi gương. 2. **Nhân vật Phương Định.** - ***Là người con gái nhạy cảm, hồn nhiên và thích mơ mộng.*** + Thường sống với kỷ niệm nơi thành phố quê hương mình, có một thời học sinh hồn nhiên, sống vô tư bên mẹ. Những kỷ nệm ấy vừa là niềm khao khát, giúp Phương Định có đủ nghị lực vượt lên mọi khó khăn thử thách. + Giáp mặt với đạn bom, quen với sự nguy hiểm vẫn giữ được nét hồn nhiên con gái: hay hát và thích hát, hay chú ý đến hình thức bản thân... + Một cơn mưa đã trên cao điểm cũng làm sống dậy trong cô bao kỉ niệm... ***- Là một thanh niên xung phong rất dũng cảm, gan dạ, sẵn sàng hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ:*** Một mình phá quả bom trên đồi, bình tĩnh trong các thao tác chạy đua với thời gian để vượt qua cái chết "Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom . Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm . Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành." - ***Yêu quý, gắn bó với đồng đội*** : Cô sống chan hoà, yêu quý, gắn bó với cả đơn vị mình, đặc biệt cô dành tình yêu và niềm cảm

		phục cho tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của con đường vào mặt trận. -> Ph- ơng Định tiêu biểu cho thế hệ thanh niên thời kháng chiến chống Mỹ: Dũng cảm, có tâm hồn trong sáng, sẵn sàng hiến dâng cả tuổi thanh xuân của mình cho đất n- ớc. Chính cô và thế hệ cô đã làm nên thắng lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc.

BƯỚC 3: MỞ RỘNG, KHẮC SÂU BẰNG CÁC CHUYÊN ĐỀ NHỎ

Trên cơ sở học sinh đã ôn tập, củng cố kiến thức một cách bài bản, cụ thể, kĩ lưỡng theo từng tác phẩm, tác giả, đã biết hệ thống những kiến thức cơ bản theo từng phần, từng thể loại, từng đề tài sáng tác..., giáo viên hướng dẫn học sinh một số chuyên đề để mở rộng, khắc sâu và nâng cao kiến thức đã ôn tập. Điều này vô cùng quan trọng, nhất là đối với những em học khá, giỏi. Khi thực hành viết bài nghị luận văn học, nếu kiến thức của các em chỉ dừng lại trong phạm vi tác phẩm, thiếu sự liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác cùng đề tài của tác giả khác hoặc tác phẩm khác cùng tác giả

để bình thì bài làm khó đạt điểm cao. Đặc biệt, các chuyên đề sẽ giúp các em dễ dàng làm các đề văn tổng hợp.

Đối với chương trình Ngữ văn 9, ta có thể thực hiện nhiều chuyên đề khác nhau, tuỳ từng hoàn cảnh cụ thể, tuỳ thời gian, tùy đối tượng học sinh mà ta lựa chọn và triển khai. Ví dụ một số chuyên đề sau:

- Chuyên đề 1: Giá trị nghệ thuật trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du
- Chuyên đề 2: Vẻ đẹp đạo đức nhân dân trong 'Truyện Lục Vân Tiên " của Nguyễn Đình Chiểu.
- Chuyên đề 3: Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua các tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn 9.
- Chuyên đề 4: Mấy nét khái quát về văn học học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945.
- Chuyên đề 5: Hình ảnh người lính cách mạng trong thơ ca kháng chiến.
- Chuyên đề 6: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua các tác phẩm văn học hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9.

Chuyên đề 7: Tình cảm gia đình qua một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn 9.

Ví dụ 1:

Chuyên đề: **GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU**

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA:

- Giáo viên cung cấp cho học sinh những kiến thức về giá trị nghệ thuật trong tác phẩm Truyện Kiều, những kiến thức mà trong chương trình nội khoá, các em chưa được học một cách đầy đủ, trọn ven.
- Qua chuyên đề, các em sẽ hiểu sâu sắc hơn về giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều. Điều này sẽ giúp các em hoàn thành tốt hơn một số đề văn về tác phẩm: Nghệ thuật khắc hoạ tính cách nhân vật qua các trích đoạn Truyện Kiều đã học và đọc thêm; Bình luận, đánh giá khi phân tích một số nhân vật hoặc trích đoạn Truyện Kiều …
- Bố cục chuyên đề:

1. Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật
   a. Miêu tả qua ngoại hình nhân vật.
   b. Miêu tả qua ngôn ngữ của nhân vật (ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại)
   c. Miêu tả qua cử chỉ, hành động của nhân vật
   d. Miêu tả gián tiếp qua tiếng nói của thiên nhiên
2. Một số biện pháp nghệ thuật khác:
   a. Ngôn ngữ trong Truyện Kiều
   b. Một số biện pháp tu từ.

II. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ:

1. Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật

Trong tác phẩm Truyện Kiều, Nguyễn Du đã khắc hoạ tài tình các nhân vật, khiến mỗi nhân vật để lại trong lòng người đọc những ấn tượng đậm nét không thể

quên, không thể trộn lẫn. Mỗi nhân vật hiện lên với một chân dung khác nhau, thậm chí, mỗi nhân vật bước vào cuộc sống, trở thành điển hình cho một loại người, một tầng lớp người nào đó. Ví như người ta thường nói những người con gái "đẹp như Thúy Kiều"; gọi những chủ chứa là "Tú Bà", gọi những kẻ lừa gạt, tráo trở trong tình yêu là "Sở Khanh" hoặc gọi những người phụ nữ ghen tuông quá thái là "Hoạn Thư", những người đàn ông chải chuốt, trai lơ là "họ Mã …

Nguyễn Du xây dựng chân dung, tính cách nhân vật qua ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động của nhân vật và qua tiếng nói của thiên nhiên.

a. Nhân vật được miêu tả qua ngoại hình: Nguyễn Du chịu ảnh hưởng quan điểm thẩm mĩ của dân gian: chính đẹp, tà xấu

- Nhân vật chính diện: Thúy Vân, Thúy kiều, Kim Trọng, Từ Hải…

Với các nhân vật này, Nguyễn Du miêu tả ngoại hình chủ yếu bằng bút pháp miêu tả ước lệ (khuôn mẫu đã định sẵn). Tuy vậy, mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng. Ví dụ:

+ Thúy Vân:

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da

+ Thúy Kiều:

Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

+ Từ Hải là một anh hùng phi thường nên có ngoại hình khác thường:

Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

+ Kim Trọng - một văn nhân tài tử:

Trông chừng thấy một văn nhân
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng
Đề huề lưng túi gió trăng,
Theo sau lưng một vài thằng con con.
Vó in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

- Nhân vật phản diện: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến…

Với các nhân vật này, tác giả miêu tả bằng bút pháp tả thực. Có lẽ, với tác giả, những con người này không xứng với bút pháp ước lệ trang trọng. Nhà thơ như trực tiếp quan sát thật kĩ lưỡng để tả. Ví dụ:

+ Mã Giám Sinh:

Quá niên trạc ngoại tứ tuần
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao

+ Hồ Tôn Hiến:

Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình

+ Sở Khanh:

Bạc tình nổi tiếng lầu xanh
Một tay chôn biết mấy cành phù dung

+ Tú Bà:

Nhác trông nhờn nhợt màu da

Ăn gì to béo đẫy đà làm sao

b. Nhân vật được miêu tả qua lời nói (ngộn ngữ)

* Ngôn ngữ đối thoại:

Có thể nói, tác giả đã sử dụng ngôn ngữ rất chính xác, tài tình khi "gắn" vào miệng mỗi nhân vật trong mỗi văn cảnh khác nhau những lời nói tưởng như không có thứ ngôn ngữ nào thay thế được. Khi thì ngôn ngữ trang trọng, kiểu cách, lúc thì ngôn ngữ thuần Việt nôm na, gần gũi với quần chúng. Qua ngôn ngữ đó, tính cách từng nhân vật được bộc lộ rõ. Ví dụ:

- Mã Giám Sinh: Xuất hiện với lời nói thoáng nghe có vẻ hào hoa, học thức, lễ nghĩa:

Rằng mua ngọc đến Lam Kiều
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường

nhưng nghe kĩ thì đó lại là thứ ngôn ngữ của một kẻ giả dối, lừa đảo. Dù hắn có cố tình che đậy mục đích mua Kiều về lầu xanh nhưng bản chất con buôn và mục đích con buôn của hắn vẫn cứ lòi ra qua từ "mua" (*"mua ngọc đến Lam Kiều"*)

- Từ Hải là một đấng anh hùng cái thế dũng mãnh vô song nên lời nói thẳng thắn, đàng hoàng, không hề lả lơi dù trong hoàn cảnh ở chốn lầu xanh:

Khen cho con mắt tinh đời
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già
Một lời đã biết đến ta
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau

- Hồ Tôn Hiến: Là một tên quan đầu triều nhưng bản chất dâm ô, đểu cáng, lừa lọc, tráo trở nên lời nói không đi đôi với việc làm. Những lời nói tưởng như quan tâm săn sóc đến Kiều nhưng thực ra mục đích chỉ là lừa nàng mà thôi.

- Sở Khanh: là một kẻ chuyên lừa lọc những người con gái nhẹ dạ cả tin. Hắn nhận tiền của Tú Bà để lừa Kiều, đưa nàng vào tròng, buộc nàng phải chấp nhận tiếp khách làng chơi. Bởi vậy, hắn nói với Kiều bằng giọng rất hùng hồn:

Nàng đà biết đến ta chăng
Bể trầm luân lấp cho đầy mới thôi

Hắn tự xưng với Kiều là anh hùng đến cứu Kiều nhưng đó chỉ là lời hứa huênh hoang rỗng tuếch, giả dối.

- Tú Bà một chủ chứa nên lời nói của mụ khi thì nanh nọc xỉ vả Kiều:

Con kia đã bán cho ta
Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây
Lão kia có giở bài bây
Chẳng văng vào mặt sao mày lại nghe.
Cớ sao chịu tốt một bề
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao?

Lúc lại tỉ tê truyền dạy ngón nghề của mình:

Này con, thuộc lấy tam tòng
Vành ngoài bẩy chữ, vành trong tám nghề.
Chơi cho liễu chán hoa chê
Cho lăn lóc đã, cho mê mẩn đời

*Ngôn ngữ độc thoại:

Đó là tiếng lòng của nhân vật được cất lên một cách trung thực, là sự rung cảm của trái tim trước thiên nhiên, xã hội và cuộc sống. Nguyễn Du đã chú trọng miêu tả tính cách nhân vật thông qua ngôn ngữ độc thoại. Tác giả để cho nhân vật trực tiếp bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm của mình. Ví dụ:

- Sau khi đi tảo mộ về, Thúy Kiều luôn trăn trở:

Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không

Hay:

Người mà đến thế thì thôi
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi

Qua những suy nghĩ ấy, ta hiểu Kiều là một người con gái đa tình nhưng cũng rất đa sầu, đa cảm. Chỉ thoáng gặp nhưng trái tim nàng luôn vấn vương, nhớ nhung đến Kim Trọng, cũng như hình ảnh ngôi mộ Đạm Tiên cùng với số phận của nàng qua lời kể của Vương Quan luôn ám ảnh tâm trí nàng, khiến nàng xót xa thương cảm…

Như vậy, ta thấy ngòi bút của nhà thơ như len lỏi vào từng ngóc ngách trái tim nhân vật để lắng nghe, để nói hộ tiếng lòng của nhân vật

- Những câu thơ miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều trong những ngày nàng sống ở lầu Ngưng Bích:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
……
Có khi gốc tử đã vừa người ôm

Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn nàng, đó là người con gái thuỷ chung, hiếu thảo. Trong bất hạnh khổ đau, nàng như quên đi chính mình mà luôn quan tâm, lo lắng cho người thân…

- Khi buộc phải tiếp khách làng chơi, Kiều sống trong nỗi đau đớn, nhục nhã đến ê chề. Những câu thơ diễn tả tâm trạng, suy nghĩ của nàng:

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh
Giật mình, mình lại thương mình xót xa

Qua đó, ta cảm nhận được cảnh ngộ của nàng trong những ngày nàng sống ở lầu xanh và trân trọng tâm hồn trong trắng giầu lòng tự trọng của nàng.

c. Nhân vật được miêu tả qua cử chỉ, hành động

Trong tác phẩm, mỗi nhân vật xuất hiện với những cử chỉ, hành động khác nhau, những cử hành động như có lời nói nói nên bản chất của nhân vật. Ví dụ:

- Mã Giám Sinh:

Ghế trên ngồi tót sỗ sàng

Chỉ một cử chỉ "ngồi tót" thôi cũng đủ để hắn lộ nguyên hình bản chất của một kẻ thiếu văn hoá, thô lỗ, ỷ vào sức mạnh của đồng tiền để tự cho mình cái quyền ngồi trên ăn trốc.

- Sở Khanh:

Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào

Cái hành động "lẻn vào" đầy mờ ám, vụng trộm của gã họ Sở khác hẳn với hành động đàng hoàng của Từ Hải *("Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi")*

- Hay Kim Trọng, một văn nhân tài tử hào hoa phong nhã:

Nẻo xa mới tỏ mặt người
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình

d. Nhân vật được miêu tả gián tiếp qua tiếng nói của thiên nhiên

Có thể nói, Nguyễn Du đã sử dụng một cách tài tình, khéo léo bút pháp này. Hầu như những bức tranh thiên nhiên trong tác phẩm đều là những bức tranh thiên nhiên biết nói, nói lên muôn nghìn những cung bậc tình cảm khác nhau của nhân vật. Rõ ràng, Nguyễn Du đã đưa tiếng nói của thiên nhiên vào tác phẩm, nhờ thiên nhiên nói hộ tâm trạng nhân vật. Ví dụ:

- *Dưới cầu nước chảy trong veo*
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Đây không chỉ là bức tranh cảnh, dù đó là bức tranh cảnh thiên nhiên đẹp mà bức đó là bức tranh tâm trạng, tâm trạng bâng khuâng, lưu luyến, quyến luyến không muốn rời xa nhau của Thúy Kiều và Kim Trọng.

- Tám câu thơ cuối trong trích đoạn "Kiều ở lầu Ngưng Bích":

Buồn trông cửa bể chiều hôm
……
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

Hoàn toàn là bức tranh tâm trạng của Thúy Kiều trong những ngày nàng sống ở lầu Ngưng Bích.

Tóm lại, một trong những thành công giúp Truyện Kiều của Nguyễn Du đạt đến đỉnh cao nghệ thuật chính là thành công về nghệ thuật khắc hoạ chân dung nhân vật. Nếu so sánh với "Chuyện người con gái Nam Xương" hay các tác phẩm cùng thời khác, kể cả những tác phẩm được sáng tác sau đó như "Truyện Lục vân Tiên " của Nguyễn Đình Chiểu, ta thấy nghệ thuật khắc hoạ chân dung nhân vật của Nguyễn Du trong Truyện Kiếu có bước tiến xa, đạt đến trình độ điêu luyện, tài hoa.

2. Một số bút pháp nghệ thuật khác:

a. Ngôn ngữ trong tác phẩm Truyện Kiều

Nguyễn Du đã kết hợp hài hoà giữa chất liệu thơ ca dân gian, ngôn ngữ quần chúng và ngôn ngữ bác học.

*****Trước hết, trong tác phẩm có sự kết hợp hài hoà giữa ngôn ngữ bác học với ngôn ngữ bình dân.

- Vốn ngôn ngữ bác học được Nguyễn Du sử dụng rất sáng tạo. Đó là những hình ảnh, những cách nói, những điển tích điển cố trong văn chương sách vở. Ví dụ:

Vẫn nghe thơm nức hương lân
Một nền Đồng tước khoá thân hai Kiều

Hay:

Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm

- Vốn ngôn ngữ quần chúng dân gian: Có lẽ, những năm tháng từng trải nay đây mai đó của mình, Nguyễn Du đã học được rất nhiều cách nói của chúng nhân dân lao động, ông đã đưa cách nói của họ vào trong tác phẩm của mình một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Trong tác phẩm có dấu vết của trên 100 câu ca dao và rất nhiều câu tục ngữ, thành ngữ.

Ví dụ 1: Hình ảnh cánh bèo trong dân gian luôn là hình ảnh chỉ thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Ca dao có câu:

Lênh đênh nước chảy bèo trôi
Đến khi nước lụt, bèo ngồi trên sen

Trong Truyện Kiều:

Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau

Ví dụ 2: Hạt mưa là hình ảnh chỉ thân phận người phụ nữ:

Thân em như hạt mưa sa
Hạt rơi xuống giếng, hạt sa vũng lầy

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du viết:

Hạt mưa xá nghĩ phận hèn
Liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân

Ví dụ 3: Tục ngữ có câu: *"Nhân vô thập toàn"*, Truyện Kiều viết

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

Ví dụ 4: Thành ngữ có câu: *"Ai khảo mà xưng"*, Truyện Kiều viết:

Nghĩ đà bưng bít miệng bình
Nào ai có khảo mà mình lại xưng

Hay hàng loạt các ví dụ khác:

- *Ra tuồng mèo mả gà đồng*
  Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào

- *Bề ngoài thơn thớt nói cười*
  Mà trong nham hiểm giết người không đao

- *Ở đây tai vách mạch rừng*
  Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi

- *Thân lươn bao quản lấm đầu*
  Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa

….

Nhờ việc sử dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo ngôn ngữ bình dân nên Truyện Kiều đã chiếm được tình cảm của nhân dân lao động. Bởi họ như tìm thấy lời ăn tiếng nói cuả chính mình trong đó. Bởi vậy, có ý kiến đã cho rằng; "Trong tác phẩm truyện Kiều, Nguyễn Du đã đạt đến độ bậc thầy về ngôn ngữ, là người đã nâng ngôn ngữ văn học dân tộc của thời đại lên một đỉnh cao chói lọi"

b. Các biện pháp tu từ trong Truyện Kiều

Nguyễn Du đã sử dụng thành thạo, đa dạng các biện pháp tu từ: So sánh, ẩn dụ, thậm xưng, điệp ngữ …Ví dụ:

- Điệp ngữ "buồn trông" trong tám câu thơ cuối (trích đoạn "Kiều ở lầu Ngưng Bích") có giá trị biểu cảm lớn. Ta như thấy nỗi buồn của Kiều hiện lên mênh mông, chất chồng, đè nặng lên tâm hồn nàng và ngập tràn tất cả.

- Điệp từ "giật mình" trong câu thơ 'Giật mình, mình lại thương mình xót xa". Câu thơ có 8 chữ mà xuất hiện tới 3 từ "giật mình". Điều đó có tác dụng nhấn mạnh nỗi cô đơn, lẻ loi, trống vắng của Kiều giữa đêm khuya khi cuộc vui đã tàn.

- Hàng loạt hình ảnh ẩn dụ

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mât thua nước tóc, tuyết nhường màu da

- Hoán dụ:

Một tay xây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành

- Thậm xưng: *Hoa ghen thua thắm, liễn hờn kém xanh*

...

Tóm lại: Trong nền văn học dân tộc, Truyện Kiều của Nguyễn Du xuất hiện như một đoá hoa đẹp nhất, tiếp thu sáng tạo truyền thống văn học dân tộc và ngôn ngữ bình dị của quần chúng cũng như ngôn ngữ mĩ lệ của văn chương bác học. Tất cả cùng kết hợp với sự rung động và tài năng đặc biệt của nhà thơ để đưa tác phẩm trở thành một công trình tuyệt tác có một không hai trong nền văn học dân tộc.

Truyện Kiều đã đánh dấu bước trưởng thành lên tới đỉnh cao của thơ ca dân tộc và trở thành niềm tự hào của thơ ca dân tộc. Không yêu đất nước mình, không vì nghệ thuật, vì cuộc đời thì Nguyễn Du không thể có được thành công ấy. Tác phẩm là kết quả của cái tâm lớn lao, của tài năng nghệ thuật lớn lao. Trân trọng cái nhìn hiện thực sắc sảo đầy tình yêu thương bao la của nhà thơ bao nhiêu, ta lại càng trân trọng tài năng sáng tạo của ông bấy nhiêu.

Ví dụ 2:

Chuyên đề: **HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH CÁCH MẠNG TRONG THƠ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA:

- Chuyên đề cung cấp cho học sinh những kiến thức về hình ảnh Anh bộ đội cụ Hồ trong thơ Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám. Ngoài hai bài thơ trích học trong chương trình: Đồng chí (Chính Hữu) và Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật), chuyên đề giới thiệu thêm một số tác phẩm khác viết về đề tài này.

- Qua chuyên đề, học sinh sẽ có cái nhìn toàn diện hơn, đầy đủ hơn về hình ảnh người lính trong thơ Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám. Các em sẽ hiểu rằng Người lính là một trong những đề tài lớn của thơ ca cách mạng. Qua đó, hình ảnh người lính hiện lên với những phẩm chất cao đẹp, đáng tự hào. Vẻ đẹp của hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Mĩ là sự tiếp nối những vẻ đẹp truyền thống của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp, nhưng các anh cũng mang trong mình những vẻ đẹp mới của thời đại mới. Điều này sẽ giúp các em hoàn thành tốt hơn một số đề văn về đề tài người lính.

- Ngoài ra, chuyên đề còn bồi dưỡng tình yêu, niềm cảm phục và tự hào về hình ảnh anh bộ đội Việt Nam trong tâm hồn, tình cảm của học sinh. Điều này cũng vô cùng quan trọng, bởi tình yêu, niềm tự hào, cảm phục đó sẽ tạo cảm hứng tốt hơn khi các em viết bài.

- Bố cục chuyên đề:

1. Hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Pháp
2. Hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Mĩ

II. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ:

Trong hai cuộc kháng chiến trường kì gian khổ của dân tộc, thơ ca Việt Nam đã phát triển khá mạnh mẽ và thu được một số thành tựu đáng tự hào. Thơ kháng chiến phần nhiều viết về cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, trong đó viết khá thành công về đề tài người lính - nhân vật trung tâm của cuộc kháng chiến. Dường như thơ ca đã cùng người lính ra trận, thơ ca góp phần động viên, khích lệ họ vượt qua gian khổ, chiến thắng kẻ thù.

Sau cách mạng tháng Tám vĩ đại, đội ngũ nhà thơ Việt Nam xuất hiện một loạt cây bút trẻ. Bên cạnh những nhà thơ sáng tác trước cách mạng, những thi sĩ của phong trào Thơ Mới, chúng ta thấy sự xuất hiện của Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, Chính Hữu, Hồng Nguyên, Quang Dũng, Tố Hữu…. sau đó là Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Tạo, Lê Anh Xuân, Lâm Thị Mĩ Dạ… Phần lớn các nhà thơ này đều ít nhiều trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia chiến đấu. Vì thế, họ có nhiều điều kiện thuận lợi để có thể viết đúng và viết hay về người lính bởi viết về người lính là viết về chính mình, về đồng đội mình. Điều ngỡ như đơn giản ấy lại là ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành cảm xúc. Hình tượng người lính vẫn mang những nét xác thực trong đời sống chiến đấu, vừa tái hiện trong cảm hứng nghệ thuật đầy chất sử thi và lãng mạn. Những tác phẩm xuất sắc về người lính cũng là những tác phẩm được tạo nên trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai thứ "chất liệu" nghệ thuật này.

1.Trong kháng chiến chống Pháp: Vẻ đẹp người lính thường gắn bó với vẻ đẹp bình dị. Họ nhanh chóng trở thành linh hồn của cuộc kháng chiến, trở thành niềm tin yêu và hy vọng của cả dân tộc. Tố Hữu đã nói hộ tình cảm của nhân dân đối với anh vệ quốc quân:

"Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Anh vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế!"

(Cá nước - Tố Hữu)

***Anh bộ đội cụ Hồ vốn là những nông dân mặc áo lính mang trong mình lí tưởng cao đẹp**.

Vì sự sống còn của Tổ quốc, họ tạm biệt bến nước sân đình, bãi mía nương dâu để ra đi chiến đấu. Ta hãy nghe lời tâm sự của họ khi nói về quê hương mình:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"

(Đồng chí - Chính Hữu)

- Họ ra đi, để lại nơi quê nhà người mẹ già, người vợ trẻ một nắng hai sương cày sâu cuốc bẫm . Trần Hữu Thung đã khắc hoạ thành công hình ảnh anh vệ quốc quân nông dân qua trí nhớ của người vợ. Trong buổi tòng quân rộn ràng tiếng trống, thấp thoáng bóng cờ, ngay phút tiễn đưa bịn rịn, anh vẫn không quên nhắc vợ:

"Ruộng mình quên cày xáo
Nên lúa chín không đều
Nhớ lấy để mùa sau

Nhà cố làm cho tốt"

(Thăm lúa - Trần Hữu Thung)

Cái chất nông dân thuần phác ấy mới đáng qúy làm sao, và chính nó sẽ làm nên sức mạnh để anh vượt qua mọi gian khổ chiến thắng kẻ thù. Các anh sẵn sàng ra đi với một quyết tâm lớn lao, sẵn sàng hy sinh riêng mình vì lí tưởng cao đẹp, đó là lí tưởng giải phóng đất nước, giải phóng quê hương, giải phóng chính cuộc đời mình khỏi lầm than nô lệ:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay…"

(Đồng chí - Chính Hữu)

- Hình ảnh các anh khác xa lắm với hình ảnh người lính thú trong ca dao xưa:

Thùng thùng trống đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa

(Ca dao)

Ta như thấy người lính thú hiện lên thật tội nghiệp, đáng thương. Họ bước đi bởi tiếng trống giục và trong nước mắt, bởi họ hiểu rằng họ buộc phải đi làm điều mà mình không muốn. Phía trước họ là những cuộc khởi nghĩa của nông dân, là đồng bào của chính mình. Họ cũng hiểu rằng máu xương họ đổ xuống chỉ để dìm thêm cuộc sống của bao người trong màn đêm đen tối.

Các anh cũng khác xa lắm người chinh phu trong ***"Chinh phụ ngâm"***. Người chinh phu ấy ra đi trong tiếng nức nở xé lòng của người chinh phụ, trong nỗi chán chường, kinh sợ cảnh binh đao.

- Cũng là ra trận, cũng là đi chiến đấu nhưng người lính thú, hay người chinh phu xưa làm sao có được tư thế hiên ngang, đường hoàng và hăm hở như người chiến sĩ Việt Nam trong thơ cách mạng:

Những buổi vui sao cả nước lên đường
Xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục.
Xóm dưới làng trên, con trai con gái
Xôi nắm cơm đùm rối rít theo nhau…

(Đường ra mặt trận - Tố Hữu)

**** Các anh là những người có ý chí nghị lực phi thường, vượt lên trên mọi gian khổ khó khăn trong cuộc chiến đấu:***

Kháng chiến bắt đầu từ những ngày gian nan vất vả, bắt đầu từ tiếng cuốc phá đường đến tiếng đục nhà để tiêu thổ kháng chiến. Hình ảnh anh vệ quốc quân đi vào thơ ca cũng từ những ngày tháng gian nan ấy. Hầu hết các nhà thơ không thi vị hoá người chiến sĩ, không khoác cho các anh lớp vỏ chiến binh dày dạn phong trần mà họ nhìn người lính với cái nhìn đồng chí, đồng đội. Họ rất hiểu các anh và tìm thấy ở các anh vẻ đẹp kì lạ trong những năm tháng chiến đấu, đó là tinh thần vượt khó, chịu đựng gian lao. Để rồi trong thơ họ, các anh hiện lên thật chân thực và cảm động.

Trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù, các anh là những người trực tiếp chịu biết bao hy sinh gian khổ. Hơn nửa thế kỉ trôi qua, giờ đây đọc lại những vần thơ của Chính Hữu, mấy ai không cầm được nước mắt, không khâm phục sức chịu đựng phi thường của những người nông dân mặc áo lính:

"Tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi
áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay"

(Đồng chí - Chính Hữu)

Bao đêm các anh phải ngủ ngoài rừng:

"Trải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lăn thăn…"

(Đêm nay Bác không ngủ - Minh Huệ)

Hay:

'Ngày lại ngày đi, vắt với sương
Ngô bung xôi nhạt, nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc, tai thao thức,
Mùa lại mùa qua, rét nhức xương "

(Giết giặc - Tố Hữu)

Và:

"Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn…"

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên - Tố Hữu)

Bởi vậy, không thể coi là cường điệu khi ta đọc những vần thơ viết về trung đoàn Tây tiến của nhà thơ Quang Dũng. Sự thật ở trung đoàn này, rất nhiều chiến sĩ bị sốt rét đến nỗi nhiều người bị rụng hết tóc:

"Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm"

(Tây tiến - Quang Dũng)

**** Các anh có tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn:***

- Trong những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người lính đã cùng nhau chia ngọt xẻ bùi, vào sinh ra tử có nhau. Tình đồng chí đồng đội ngày thêm keo sơn gắn bó. Bên nhau, các anh cùng nhau chia sẻ mọi tâm tư nỗi niềm. Anh hiểu tôi, cũng như tôi hiểu anh, tất cả cùng chung nỗi nhớ gia đình, nỗi nhớ quê hương. Họ hiểu rằng, ở nơi xa xôi ấy, quê hương cũng đang ngày đêm nhớ thương mình:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính"

(Đồng chí - Chính Hữu)

Họ chia sẻ cùng nhau nỗi nhớ mẹ nơi quê nhà đến cồn cào cháy bỏng, nhớ mẹ và hiểu được tấm lòng của mẹ:

"Ai về thăm mẹ quê ta

Chiều nay có đứa con xa nhớ thầm
Bầm ơi có rét không bầm?
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non.
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần..."

(Bầm ơi - Tố Hữu)

Hay chia sẻ cùng nhau cả những điều sâu kín trong trái tim tuổi trẻ:

"Đằng nớ vợ chưa/
Đằng nớ?
Tớ còn chờ độc lập!"

(Nhớ - Hồng Nguyên)

- Lúc thiếu thốn, khi ốm đau, tình đồng chí đã giúp họ thêm sức mạnh *"Thương nhau tay nắm lấy bàn tay"* (Đồng chí - Chính Hữu). Cái nắm tay không lời mà như biết nói bao lời. Cái nắm tay như truyền cho nhau sức mạnh, ý chí và niềm tin, truyền cho nhau hơi ấm tình người, sưởi ấm lòng nhau, sưởi ấm cả đôi bàn chân không giày trong buốt giá. Cảm động biết bao nhiêu mối quan hệ tốt đẹp của những người cùng chiến đấu vì một lí tưởng cao đẹp:

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ."

(Đồng chí - Chính Hữu)

**** Các anh là những người có tâm hồn lãng mạn, lạc quan yêu đời***

Đời lính đâu phải chỉ có khói bom và thuốc súng. Với tâm hồn rộng mở, trong sáng, người lính cũng có những phút giây, những kỉ niệm thật êm đẹp, thơ mộng. Giữa cảnh núi rừng mênh mông yên tĩnh, trong màn sương muối lạnh lẽo phủ dầy, trong tư thế sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, người lính vẫn thả hồn mình tìm đến với vẻ đẹp của vầng trăng, vẫn cảm nhận được vẻ đẹp của vầng trăng, thấy vầng trăng như treo nơi đầu súng:

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng, trăng treo."

(Đồng chí - Chính Hữu)

Những giây phút nghỉ ngơi giữa hai trận đánh, các anh thật hồn nhiên, trẻ trung:

'Cả lũ cười vang bên ruộng bắp
Nhìn o thôn nữ dưới nương dâu."

(Nhớ - Hồng Nguyên)

Tóm lại: Thơ ca kháng chiến chống Pháp đã xây dựng thành công hình ảnh người lính. Năm tháng đã và sẽ trôi qua nhưng những bài thơ viết về người lính trong giai đoạn lịch sử oanh liệt này vẫn còn mãi trong nền văn học dân tộc, trong lòng người dân Việt Nam. Hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp mãi mãi là niềm tự hào của mỗi người dân Việt nam.

2.Trong kháng chiến chống Mĩ:

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng CNXH. Nhưng cả dân tộc ta vẫn phải tiếp tục cuộc chiến đấu mới, cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong thời kì này, thơ ca Việt Nam có bước phát triển mới, lớn mạnh và phong phú hơn giai đoạn trước. Bên cạnh hai cây bút "lĩnh sướng" nổi bật của thời kì này là Tố Hữu và Chế Lan Viên, một thế hệ thi sĩ tài năng xuất hiện. Họ đông đảo về đội ngũ và đa dạng về phong cách, giọng điệu. Phần lớn trong số họ là những người trực tiếp tham gia đánh giặc và làm thơ. Đó là: Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Lê Anh Xuân, Nguyễn Trọng Tạo … Từ chiến trường Trường Sơn ác liệt, Phạm Tiến Duật đã thổi vào thơ ca giọng điệu mới "giọng lính": Đó là chất giọng trẻ trung, nghịch ngợm, trong đó nổi bật lên tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính". Có thể nói thơ ca thời kì này đã thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.

Hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước hiện lên với những phẩm chất cao đẹp. Các anh vẫn mang trong mình những phẩm chất truyền thống của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là lòng yêu nước thiết tha cháy bỏng, là ý chí nghị lực phi thường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, là tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn, là tâm hồn lạc quan yêu đời… Nhưng các anh cũng mang trong mình những vẻ đẹp mới của thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh. Vẻ đẹp nổi bật của hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Mĩ chính là sự trẻ trung, ngang tàng, nghịch ngợm và hóm hỉnh. Vẻ đẹp của họ không chỉ tượng trưng cho vẻ đẹp của dân tộc mà được nâng lên tầng khái quát cao hơn nhiều, tầm nhân loại.

. Trước hết, các anh luôn mang trong mình những vẻ đẹp truyền thống của Anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp.

Các anh, những người lính ra đi từ miền Bắc XHCN. Không phải từ những thân phận nô lệ, cũng không chỉ là những người nông dân nơi "nước mặn đồng chua" hay vùng quê "đất cày lên sỏi đá" với khát vọng giải phóng quê hương, giải phóng cuộc đời mình thoát khỏi nô lệ lầm than mà các anh vốn là những công nhân, nông dân, trí thức, trong đó, phần lớn vừa rời ghế nhà trường để bước vào cuộc chiến đấu với khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Vẫn là lí tưởng độc lập tự do nhưng với thời đại các anh, lí tưởng cao đẹp đó đã phát triển trở thành chủ nghĩa yêu nước XHCN. Lí tưởng cáng mạng gắn với nhận thức về sữ mệnh trọng đại của dân tộc trong cuộc đấu tranh của loài người cùng với sự đi lên của dân tộc, của nhân loại. Bởi vậy, các anh ra trận với tâm hồn phơi phới tuổi xuân:

"Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Với khí thế:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai

Với lí tưởng "*Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù"*. Các anh với sự hy sinh cho dân tộc là hạnh phúc thiêng liêng cao cả của cuộc đời mình:

Nếu được làm hạt giống của mùa sau

Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn bằng người lính đi đầu
Trong đêm tối, tim ta thành ngọn lửa"

(Chào xuân 67 - Tố Hữu)

Bởi thế, ta thấy các anh bước vào cuộc chiến đấu bằng tất cả sự chủ động, tự tin, vững vàng nhất.

Gian khổ khó khăn nhất đối với người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ là sự khốc liệt của cuộc chiến tranh. Người lính hành quân vào Nam đánh giặc dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù. Những chiếc xe bị méo mó, biến dạng:

"Không có kính, không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Không có kính, nghĩa là không có bộ phận che chắn bảo vệ các anh. Không chỉ có nắng rát, mưa dông, không chỉ có bụi đường làm bạc trắng những mái đầu mà còn là những mảnh bom đạn của kẻ thù bất cứ lúc nào cũng quăng ném vào trong xe, nhưng các anh vẫn:

"Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhín đất, nhìn trời, nhìn thẳng…'

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Ngay cả cái chết cũng không thể làm các anh gục ngã:

"Anh ngã xuống trên đường băng Tân Sơn Nhất
Nhưng anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng
Và anh chết trong khi đang đứng bắn
Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng"

(Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân)

Trong gian khổ hy sinh, tình đồng chí đồng đội đã làm nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù:

"Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Cái bắt tay ấm nồng tình cảm yêu thương chia sẻ. Cái bắt tay ấy là tình đồng đội thiêng liêng, họ truyền cho nhau niềm tin chiến thắng, tình yêu và lòng dũng cảm, là sức mạnh đoàn kết ở nơi mà sự sống và cái chết thật cận kề. Bàn tay thay cho mọi lời nói. Các anh hiểu rằng kháng chiến là gian khổ, là trường kì, vậy nên, hàng ngàn con đường ra trận đã trở thành ngôi nhà chung, những đồng đội đã trở thành gia đình ruột thịt:

'Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

. Nét nổi bật của vẻ đẹp người lính trong kháng chiến chống Mĩ là sự trẻ trung, ngang tàng, nghịch ngợm và hóm hỉnh.

Thật đáng yêu trước hình ảnh:

"Những chàng lính trẻ măng tơ
Nghêu ngao gõ bát hát chờ cơm sôi'

(Nước non ngàn dặm - Tố Hữu)

Hay:

"Khoái nào bằng phút nghỉ lưng
Giở trang thư dưới bóng rừng đung đưa"

Gian khổ hiểm nguy dường như lại trở thành niềm vui, sự thích thú:

"Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Không cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi. "

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Biết tạo ra niềm vui từ chính gian khổ hy sinh, các anh nói về gian khổ hy sinh như nói về những niềm vui, niềm hạnh phúc. Bởi vậy, thương tích trên mình với các anh có đáng kể gì đâu:

Cái vết thương xoàng mà đưa viện.
Hàng còn chờ đó, tiếng xe reo
Nằm ngửa nhớ trăng, nằm nghiêng nhớ bến
Nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đèo"

(Nhớ - Phạm Tiến Duật)

Chính vì thế mà tầm vóc người chiến sĩ như cao lớn lên cùng tầm vóc của dân tộc, của thời đại trong cuộc chiến tranh về quốc vĩ đại nhất:

"Cả năm châu chân lí đang nhìn theo
Bóng anh đi và vành mũ tai bèo của anh đó"

(Hoan hô anh giải phóng quân - Tố Hữu)

Hay:

'Anh chẳng để lại gì cho riêng anh trước lúc lên đường
Chỉ để lại dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỉ
... Từ dáng đứng của anh trên đường băng Tân Sơn Nhất
Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân."

(Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân)

Hình tượng người chiến sĩ trong thơ chống Mĩ có những nét riêng tư của con người, của nhân vật trữ tình đậm đà tính sáng tạo. ta hãy nghe người chiến sĩ tâm sự:

'Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường sơn đông nhớ Trường sơn tây."

(Trường sơn đông, Trường sơn tây - Phạm Tiến Duật)

Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ, máu thịt các anh đã hoá thành phù sa làm tốt bãi bồi, xanh mướt nương dâu, "Để đất nước bay lên bát ngát mùa xuân'.

Tóm lại: Cùng với thử thách của thời gian, có thể khẳng định rằng các nhà thơ cùng với những vần thơ viết về đề tài người lính của họ ngày càng khẳng định được vị trí vững vàng trong lịch sử thơ ca Việt Nam, nó vẫn tồn tại như một vầng sáng, như một tầm cao trong thơ Việt Nam hiện đại. Nhiều bài thơ hay vẫn sống trong lòng người yêu thơ và thế hệ trẻ. Thơ về đề tài người lính là một phần không thể phủ định trong các giá trị tinh thần của một thời đại lịch sử đã và sẽ được lưu giữ, trân trọng bởi những thế hệ hôm qua và cả hôm nay.

Ví dụ 3:

Chuyên đề: **MẤY NÉT KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**

A. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA:

- Chuyên đề giúp học sinh có cái nhìn khái quát và hệ thống về cả phần văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS, đặc biệt là trong chương trình Ngữ văn lớp 9.
- Qua chuyên đề, học sinh sẽ hiểu rõ hơn về hoàn cảnh lịch sử cũng như đặc điểm văn học mỗi giai đoạn để từ đó, các em có sự nhận xét, đánh giá về tác phẩm văn học một cách khách quan và sâu sắc hơn.
- Bố cục chuyên đề:

1. Vài nét lớn về bối cảnh lịch sử
2. Các chặng đường của văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945
3. Một số nét lớn về thành tựu của văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I.Vài nét lớn về bối cảnh lịch sử

- Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đã mở ra một kỉ nguyên mới trong dân tộc Việt Nam: kỉ nguyên độc lập, dân chủ và đi lên CNXH, chấm dứt nghìn năm chế độ phong kiến và gần 100 năm nô lệ. Cách mạng tháng Tám cũng mở ra một kỉ nguyên mới cho nền văn học nước nhà.
- Độc lập dân tộc chưa được bao lâu, năm 1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Và một lần nữa, cả dân tộc Việt Nam lại bước vào cuộc kháng chiến chín năm trường kì gian khổ với ý chí và quyết tâm "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".
- Năm 1954, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu đã chấm dứt chín năm kháng chiến chống Pháp, Miền bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng CNXH, Miền Nam tiếp tục chiến đấu chống đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai. Nhân dân cả hai miền Nam - Bắc luôn sát cánh bên nhau trong cuộc chiến đấu mới.
- Năm 1975, Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, non sông liền một dải, cả nước đi lên xây dựng CNXH. Dân tộc ta lại phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức mới gay gắt trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

II. Các chặng đường của văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945

Văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945 đã nảy nở và phát triển trong bối cảnh lịch sử như trên và gắn bó mật thiết với những bước đi của lịch sử, với vận mệnh của dân tộc và Tổ quốc. Nó kế tục những truyền thống tốt đẹp của văn học các thời kì trước, nhưng là một chặng đường mới trong lịch sử văn học của dân tộc, với những nội dung mới, những đặc điểm riêng biệt và đã có những thành tựu không nhỏ góp vào sự phát triển của nền văn học Việt nam có lịch sử hàng nghìn năm.

Văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945 đến nay đã trải qua hai thời kì: Từ 1945 đến 1975 và từ sau 1975 trở đi. Mỗi thời kì ấy lại bao gồm một số giai đoạn với những đặc điểm riêng về tình hình phát triển, về nội dung và hình thức nghệ thuật.

1.Từ 1945 đến 1954: Văn học chuyển mình

Nền VH mới được hình thành sau CM tháng tám và trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Thời kì này, ***văn học đã hướng hẳn vào đời sống cách mạng và kháng chiến, hướng về đại chúng nhân dân, tập trung thể hiện hình ảnh quần chúng nhân dân với những phẩm chất công dân cao cả như: lòng yêu nước, chí căm thù, tình đồng bào đồng chí, lòng kính yêu lãnh tụ và niềm tin tưởng ở cách mạng và kháng chiến, niềm tự hào của con người đã được giải phóng.***

Tuy mới là bước đầu của một nền văn học mới, giai đoạn này cũng đã để lại những thành tựu đáng kể, đặc biệt là thơ ca: Việt bắc của Tố Hữu, thơ của Chính hữu, Quang Dũng, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi, Hồng Nguyên …; truyện ngắn của Nam Cao, Kim Lân, Tô Hoài …

2. Từ 1955 đến 1975.

Văn học trong hai mươi năm này đã có bước phát triển mới, lớn mạnh và phong phú hơn giai đoạn trước. Ở miền Bắc, trong những năm tạm thời có hoà bình (1955 - 1964), v***ăn học tập trung vào thể hiện hình ảnh người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước, ca ngợi những đổi thay của đất nước và con người trong bước đi lên CNXH với một cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui và niềm tin tưởng. Trong những năm chống Mĩ, văn học tập trung thể hiện cuộc chiến dấu ở mọi miền đất nước, ở miền Bắc, và miền Nam, cả tiền tuyến và hậu phương, nêu cao chủ nghĩa anh hùng , ý chí quyết thắng và sức mạnh của cả dân tộc, mang khí thế của thời đại. văn học ta đã xây dựng thành công hình tượng cao đẹp về Tổ quốc và Nhân dân,*** đặc biệt ***đã thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.***

Trong giai đoạn này, các thể loại văn học đều khá phát triển. Thành tựu nổi trội vẫn là thơ và truyện ngắn, nhưng tiểu thuyết cũng có nhiều tác phẩm thành công. Đội ngũ sáng tác văn học cũng đông đảo, có sự tiếp nối và bổ sung cho nhau của thế hệ nhà văn cùng sát cánh bên nhau trên mộtu trận tuyến, với tinh thần của những nhà văn - chiến sĩ.

3. Từ 1975 trở lại đây:

Văn học từ sau 1975 cũng chuyển dần sang một thời kì khác, đặc biệt có bước chuyển mạnh mẽ là từ 1986, khi có công cuộc đổi mới trên đất nước. Văn học có bước phát triển, đa dạng hơn về đề tài và chủ đề, phong phú mới mẻ hơn về các thủ pháp nghệ thuật. Chiến tranh yêu nước vẫn là một đề tài lớn được nhiều cây bút tiếp tục khai thác dưới những góc độ khác nhau. ***Văn học đã áp sát hơn với đời sống hiện tại, đồng thời cũng quan tâm soi lại các vấn đề của thời kì lịch sử đã qua, hướng đến con người trong cuộc sống hàng ngày, trong lao động và sinh hoạt, trong đời riêng và đời chung.***

III. Một số nét lớn về thành tựu của văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945:

1. Từ 1945 đến 1975

Văn học xứng đáng với sữ mệnh cao cả của một nền văn học cách mạng, hướng về đại chúng nhân dân, phục vụ chiến đấu, góp được những thành tựu cho sự phát triển nền văn học dân tộc trong thời đại mới.

- Hướng váo đời sống xã hội rộng lớn với nhiều biến cố trọng đại, văn học thời kì này đã ghi lại được những hình ảnh không thể phai mờ của một thời kì lịch sử đầy gian lao, hy sinh nhưng cũng hết sức vẻ vang của dân tộc ta. Với hai cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, văn học đã sáng tạo được những hình tượng nghệ thuật cao đẹp về đất nước, về nhân dân, về các tầng lớp, thế hệ con người Việt Nam vừa giàu phẩm chất truyền thống dân tộc vừa đậm nét thời đại.

- Về nội dung tư tưởng: Văn học thời kì này đã phát huy những nét lớn trong truyền thống tinh thần của dân tộc - cũng là những nét nổi bật trong phẩm chất con người Việt Nam của thời đại ấy, đó là Chủ nghĩa yêu nước và Tinh thần nhân đạo. Lòng yêu nước thường được thể hiện trong tình quê hương, làng xóm (Làng - Kim Lân; Nhớ con sông quê hương - Tế Hanh…); trong tình đồng bào đồng chí, tình quân dân "cá nước" (Đồng chí - Chính Hữu; Nhớ - Hồng Nguyên …); chủ nghĩa yêu nước thường gắn liền với chủ nghĩa anh hùng trong thời kì diễn ra những cuộc đấu tranh giành độc lập và gìn giữ đất nước

Tinh thần yêu nước vừa là một truyền thống sâu xa lại vừa mang đậm nét tinh thần của thời đại cách mạng, thể hiện trong niềm tự hào và ý thức làm chủ đất nước của quần chúng, trong tư tưởng đất nước gắn liền với nhân dân, của nhân dân, trong lí tưởng CNXH (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận; Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long …)

Chủ nghĩa nhân đạo của văn học mới hướng về những con người lao động, phát huy tình cảm giai cấp và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, khẳng định con đường giải phóng và sự trưởng thành của quần chúng trong cách mạng.

- Về thể loại: Văn học thời kì này có những thành tựu đáng kể. Các thể loại phát triển khá toàn diện, nhưng thơ và truyện ngắn vẫn nổi trội hơn.

Thơ ca thời kháng chiến đã đem đến một tiếng nói trữ tình mới mẻ, khoẻ khoắn - tiếng nói trữ tình của các nhân vật quần chúng. Bên cạnh các nhà thơ lớp trước cách mạng có nhiều thành công góp phần thúc đẩy sự phát triển của thơ Việt Nam hiện đại như: Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Tế Hanh …, lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến cũng không hiếm tài năng và có nhiều tìm tòi sáng tạo góp phần đổi mới cho thơ ca: Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Chính Hữu, Hoàng Trung Thông, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm …

Truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết khá phong phú và ngày càng đa dạng hơn về phong cách và bút pháp. Nhiều cây bút truyện ngắn có tác phẩm hay và ghi được dấu ấn riêng: Tô Hoài, Kim Lân, Nguyễn Thi, Anh Đức, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Minh Châu …

Có thể nói, văn học thời kì 1945 - 1975 góp phần đáng kể vào sự phát triển của ngôn ngữ văn học dân tộc theo hướng gắn sát hơn với ngôn ngữ của nhân dân, với đời sống hiện tại mà trước hết là cuộc sống lao động và chiến đấu, làm đa dạng thêm các chất liệu ngôn ngữ.

Văn học VN từ 1945 đến 1975 dã nảy nở và phát triển trong hoàn cảnh không chỉ có thuận lợi. Chiến tranh kéo dài và ác liệt, nền kinh tế chậm phát triển … đã khiên cho điều kiện sáng tác và hoạt động văn học gặp nhiều khó khăn, trở ngại nên văn học của ta không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Những thành tựu của văn học thời kì này là cơ bản và to lớn. Văn học đã phục vụ tích cực và có hiệu quả cho các nhiệm vụ cách mạng, góp phần quan trọng vào việc động viên cổ vũ hai cuộc kháng chiến của toàn dân tộc và có tác dụng to lớn trong việc xây dựng tư tưởng, bồi đắp tâm hồn, phát triển nhân cáchcủa con người Việt nam không chỉ ở thời kì đó mà còn cho nhiều thế hệ tiếp theo.

1.Từ sau 1975:

Văn học có bước chuyển dần sang một thời kì mới với những đặc điểm mới. Văn học ngày càng áp sát hơn với đời sống, mở rộng và đào sâu những khám phá về con người và xã hội. Cuộc sống và con người hiện ra trong cái hàng ngày và những biến cố lịch sử, trong cái chung và cái riêng, với những chiến công anh hùng cao cả và cả những đau thương mất mát, với niềm vui và nỗi buồn trong ánh sáng rạng ngời và cả những bóng tối còn rơi rớt (Bến quê - Nguyễn Minh Châu; Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê; Ánh trăng - Nguyễn Duy, Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải …)

Các thể loại văn học có sự biến đổi, có nhiều tìm tòi mạnh dạn đổi mới xuất hiện trong thế hệ nhà văn trẻ

Đặc biệt, đến với văn học từ sau 1975, ***tinh thần nhân đạo truyền thống được phát huy mạnh mẽ trong cảm hứng nhân bản: hướng về con người, khám phá và thể hiện con người ở nhiều mặt và trong nhiều mối quan hệ đa dạng giữa cá nhân***

và xã hội, số phận riêng và lịch sử, tính cách và hoàn cảnh, con người trong các quan hệ thế sự, đời tư, con người với chính mình …, đề cao sự tự ý thức của mỗi cá nhân hướng đến sự hoàn thiện về nhân cách (Bến quê - Nguyễn Minh Châu; Ánh trăng - Nguyễn Duy …)

C. KẾT LUẬN

Trên đây là nội dung chuyên đề ***"Ôn tập, củng cố kiến thức phân môn Văn học lớp 9"***. Bản thân tôi cũng như nhóm giáo viên dạy Ngữ văn 9 trường THCS Thụy Hải trong quá trình nhiều năm dạy học đã thực hiện việc ôn tập kiến thức phân môn Văn học lớp 9 theo chuyên đề này và đã thu được những kết quả nhất định.

Phương pháp ôn tập, củng cố kiến thức trong chuyên đề chỉ là một trong nhiều phương pháp khác nhau và cũng chỉ là một trong nhiều yếu tố góp phần tạo nên thành công trong dạy học Ngữ văn 9. Bởi phương pháp nào cũng vậy, dù tối ưu đến mấy nhưng nếu thiếu niềm say mê, thiếu tinh thần trách nhiệm vì học trò thì cũng không thể đem lại hiệu quả cao.